

SỐ 1779

## DUY-MA KINH LƯỢC SỐ THÙY DỤ KÝ

### LỜI TỰA

Tổ ta, ngài Trí Giả sơ giảng kinh này lời văn khá dài rộng mà ngài Kinh Khê sao lại soạn ghi tóm tắt văn sơ giải ấy (Số gồm ba mươi bốn quyển được ghi lại còn ba quyển) là có ý cắt bớt ở số văn để những ai không rảnh rang đều được tường tận. Từ đó về sau, phần lược số được thịnh hành ở đời. Kẻ mới học đời sau nương lời ký mà sơ giải theo nhưng văn nghĩa quấn quanh khó nhớ khó hiểu. Lại ở chỗ nói lý sự thì lời ký không giải thích, thường thường nghe với tình riêng nên có nhiều lầm lạc.

Đến như nghĩa “y, chánh cùng có” thì nói là ngoài tâm không cảnh, khắp ở văn này sáng rõ như chỉ trên bàn tay, nhưng lại cho rằng vô tình không thành Phật. Đây là cái lầm thứ nhất.

Về Thông tướng tam quán đã mịt mờ, ngôi vị không nhất định chỉ cho ai. Đây là cái lầm thứ hai.

Ba thứ Yết-ma không căn cứ vào Luật bộ mà nói càn, ấy là cái lầm thứ ba.

Thời nhà Chu, đạo Phật hưng thịnh mà sao lại sa như mưa. Đại sư chánh chỉ Phật sinh ở hai đời Trang vương mà lại lấy năm Chiêu Vương thứ hai mươi bốn mà giải. Đây là cái lầm thứ tư.

Trong khoảng đó, tên gọi Phương Bá Liên Sư và thuyết Giảng Võ Luyện Binh không lường xuất xứ, nên có nhiều xuyên tạc. Đây là cái lầm thứ năm.

Thầy tóm tắt gồm năm điều trái lẽ. Và người xưa có nói: “Con đã sinh Không tránh được nạn nước lửa là tội của mẹ, thành trẻ rồi không đến học thầy là tội của cha, đến thầy học hỏi mà tâm chí không thông là tội của thầy.” Dem chí ta khuyên răn dạy dỗ, sao được không từ chối mà diễn giải rộng ra. Nơi nào tối ý thì làm cho sáng tỏ, chỗ nào khuất lấp mịt mờ thì làm cho thông, khiến đạo của các ngài Trí Giả, Kinh Khê luôn sáng tỏ, như nhìn lên Thiên đình thấy rõ vầng dương. Vả lại không vì kẻ mê muội mà giảng nhiều nói rộng và cầm bút. Năm Đại Trung Tường Phù thứ tám, tại Thanh long Ất mao. Mùa Thu tháng chín, từ Tiền Đường ngồi thuyền buồm đi mãi về Tây để thăm bạn cũ là Phụ Thiêm ở Long Sơn-lan-nhã, Võ Khang, Ngô Hưng. Được chỗ cao ráo, lầu gác thênh thang bên suối rừng vắng vẻ. Ngó sang bên trái thì núi non chập chùng nối tiếp chùa Tiểu Sơn của ngài Pháp Dao “Cao tăng Pháp Dao trong năm Nguyên Gia đời Tống, thượng thư Thẩm Dẫn Chi thỉnh ngài đến ở chùa Tiểu Sơn tại Võ Khang để soạn thuật Sớ kinh Niết-bàn...”, nhìn xuống là ấp cũ Phòng. Phong nép mình bên sườn núi (đất này có hai núi Phong Ngẫu, là nơi thuở xưa Ngô vương Phù Sai hỏi đạo Trọng Ni, Phòng Phong Hà Thú nói là vua họ Uông Mang đóng quân ở Ngẫu sơn) cảnh đã đẹp lại còn xa hãn thế tục. Nhắm khi hương lửa rảnh rang bèn bày bút mực mà giải thích Lược sớ. Nếu phần ghi cũ của ngài Kinh Khê phù hợp với lược sớ thì tùy đoạn mà dẫn ra dùng. Lại có Pháp sư Đạo Xiêm là môn nhân của ngài Kinh Khê cũng từng soạn ký, tuy giải nghĩa nhưng không viện dẫn chứng cứ. Hoặc hiện thời chọn lấy cái hay mà theo thì đều nêu rõ danh mục. Trân trọng phần xưa nay sàng lọc mà chú thích, đem hết tấm chân tình ghi truyền. Không phải trộm danh của Quách Tượng, cũng chẳng thể nói là Hương Tú. Cầm bút từ ngày mười hai tháng mười đến ngày mười ba tháng mười hai soạn phẩm xong, gồm mười quyển tên là Thùy Dụ ký. Bởi noi theo đạo Ưu dụ, để chỉ cho con cháu khiến không ảnh hưởng năm lỗi trên mà thôi. Nếu đem trình trước các bậc Đại nhân thì tôi nào dám. Hoặc có người nói: Đám học trò thông minh tìm xem lời ký của ngài Kinh Khê ắt được ý sâu sắc, đâu đợi ông nói rõ mà sau mới hết nhảm, ấy thời công ông vô dụng! Nay xin đáp rằng, phàm đánh thức kẻ ngủ mê, nếu người dễ tỉnh thức thì gọi nhỏ, kẻ ngủ mê thì phải la to, mà công dụng đánh thức thì cũng là một. Ôi, ngài Kinh Khê thì dịu dàng gọi trước, còn tôi thì kêu lớn ở sau, đến khi kẻ học hết chương sẽ tự thấy khác hay không khác mà thôi.

-----

# DUY-MA KINH LƯỢC SỚ THÙY DỤ KÝ

*Hán dịch: Tiên Đường, Sa-môn Thích Trí Viên thuật.*

## QUYỂN 1

Giải thích Duy-ma Sớ có hai phần: Phần đầu gồm hai bài Tựa: Tựa của Lương Túc và bài Tựa của ngài Kinh Khê.

Về văn tựa có tên tựa kinh Duy-ma Lược Sớ Tựa.

Duy-ma, nói đầy đủ là Duy-ma-cật, Hán dịch là Tịnh Danh, Tịnh tức là chân thân, Danh tức là ứng thân, Chân tức là lý được chứng, Ứng tức là thân hiện ra.

Kinh là dạy về pháp và thường (luật). Pháp làm khuôn phép cho mọi người. Thường (luật) là các điều trăm vua không thay đổi. Đây là nói việc ngài Tịnh Danh giáo hóa nên gọi là kinh Duy-ma.

Lược sớ là đối với rộng mà được tên, bởi lược bớt chỗ rườm rà mà tóm tắt điều cơ yếu, nên gọi là lược sớ.

Tựa là lời tựa, tức tự thuật nguyên do tóm tắt của ngài Kinh Khê, cho đến ý chỉ lập giáo của Thánh sư, nên gọi là Tựa.

Nhưng, sáu chữ của tên Tựa gồm bốn lớp năng sở:

Trước hết Duy-ma là sở thuyên, Kinh là năng thuyên. Đây chỉ cho ngài Tịnh Danh, hai thứ trên đều là sở giải, sớ là năng giải. Đây là lời ngài Trí Giả. Còn sớ là sở lược (được tóm tắt). Lược là Năng lược (hay tóm tắt). Đây thuộc ngài Kinh Khê.

Bốn thứ trên là sở tự, còn Tựa là Năng tự. Đây là Lương Túc gom lại sở Thuyên làm tên riêng của kinh, nên cũng gom cả sở giải mà làm tên riêng cho sớ. Lại dùng sở lược theo năng lược mà được tên. Phân chia ngọn ngành là như thế, nhưng tổng quát năm chữ trên là tên riêng của tựa, để phân biệt với những tựa khác. Chữ tự đó là tên chung.

Kế nói về hiệu: Môn nhân Hàn lâm học sĩ Thủ Hữu bổ khuyết Lương Túc thuật.

Môn nhân, tức Đệ tử, là người học đạo với ngài Kinh Khê. Vì ngài Kinh Khê soạn tựa mà tự xưng là môn nhân.

Hàn lâm, là theo pháp chế nhà Hán, các Thượng thư lang chủ việc

làm văn chương, mỗi sáng túc trực ở nội đài tại Kiến lễ môn, được cung cấp cho áo lụa xanh, lụa trắng hoặc áo gấm và màn trướng chần nệm, thông qua trung thu thái quan cung cấp việc ăn uống. Bởi cùng quan Hàn lâm hiện nay cũng giống mà quyền hành cũng không nhẹ hơn. Hàn Lâm Thế Yếu nói rằng: “Triều nhà Đường sửa việc cũ của hai nhà Lương, Trần, Cơ trung thư xá nhân Lục Viên chuyên nắm pháp chế đã chất vấn rằng: Tuy nói là cấm bớt cũng không phải là cần thiết. Nên Ôn Đại Nhã, Ngụy Trưng, Lý Bá Dực, Sầm Văn Bồn, Chử Toại, Lương Hứa Kính Tông Thượng Quan Nghi, lúc mới thảo chế chưa có danh hiệu này. Đến niên hiệu Càn Phong trở về sau mới gọi là Bắc môn học sĩ. Lưu Ý Chi, Lưu Y Chi, Châu Tư Mậu, Nguyên Vạn Khoảnh, Phạm Lý Bằng là đó, thì ở thiên triều là Tô Vi Đạo Vỹ Thừa Khánh sau đổi là Hàn lâm đãi chiếu, thì có Trương Thuyết, Lục Kiên, Trương Cửu Linh, Dư An Trinh nối tiếp nhau làm. Lại đổi là Hàn lâm cung phụng. Năm Khai Nguyên thứ hai mươi sáu thì Lưu Khiêm Quang Trương Ký làm Học sĩ mới bắt đầu lập riêng viện Học sĩ. Phàm học sĩ không định bao nhiêu người do các quan khác sung vào, dưới từ hiệu Thư lang, trên đến Thượng thư các Tào đều được làm. Đã vào thì cùng ban hành tuyệt tích, không thuộc Lý tư, không liên hệ với Thường tham. Làm quan ba năm là mãn hạn.

Bổ khuyết là nắm quyền cung phụng can gián. Kinh thi nói: “Cổn chức có thiếu sót chỉ có ông Trọng Sơn bổ chính”. Hoàng Triều đổi tên là Tư Gián. Nói Thủ Hữu Bổ Khuyết là quan thấp mà bậc cao thì gọi là hành, quan cao mà bậc thấp thì gọi là Thủ bậc và quan ngang nhau thì không nói Hành thủ. Nay là không nói Hàm nên không có bậc. Lương Túc tự là Kính Chi trong bài phú Quá Cự Viên có lời tựa nói: Ta lúc lên tám vào ngày rằm tháng giêng năm Tân Sửu, trộm cướp vào Lạc Dương ở Tam Hà đốt phá sạch, nhân đó ta lánh thân về Đông, gửi thân ở Ngô việt, rồi dời về Ngân Ách được hai mươi năm. Vua lên ngôi ra chiếu gọi về kinh sư. Năm sau mùa hạ được bổ chức Đông cung hiệu Thư lang. Năm Vạn Lịch nói rằng: Đời Đường Đức Tông niên hiệu Trinh Nguyên thứ sáu (tức năm Canh ngọ) Lương Túc làm Bổ khuyết. Thôi Cung trong bài tựa Lương Quân Tập có nói: Ông sớm theo đạo Phật, mới sinh ra đã biết nghĩa lý, kết ý làm văn, chí luôn ở đấy. Luận bàn cười nói thường để tâm ở Nhất thừa. Nên làm tựa về đạo Phật rất là tinh bác cổ sáy ảnh hưởng rất lớn cho Phật giáo. Triều đình chuộng đức nên đã dùng ông làm thái tử Thị Độc. Nước chuộng Thật lục nên dùng ông làm sử quán, sửa sang gạn lọc phô bày thịnh đức của vua, nên dùng

ông làm Hàn lâm học sĩ, ba chức đồng lúc nên trách vụ ông ở triều đình rất quan trọng. Tuổi mới hơn bốn mươi mà cả Sĩ lâm đều kính trọng. Dù đám Nhan Hồi, Hoàng Thúc cũng không sánh bằng. Lý Cao cảm trong lời tựa của Phú Tri kỷ nói rằng: Năm Trinh Nguyên thứ chín, Cao mới đến làm quan ở châu phủ. Tháng chín năm ấy cầm một bản văn chương vào yết kiến Hữu bổ khuyết an định lương quân. Đương lúc ấy, tiếng khen Lương quân đầy khắp thiên hạ. Đám người chúc từ cầu tiến dâng văn chương đến cửa Lương quân. Bởi không có thời gian rảnh Lương Quân biết lỗi người, cũng đã gặp nhau, bèn đối với Lý Cao có tình tương tri. Cho rằng Lý Cao có được cốt cách cổ văn, mong rằng tên Lý Cao bất hủ muôn đời, nên cho Lý Cao hầu cận bên mình. Mới đầu cho là có điểm tiến bộ, nhưng cũng chưa được may lắm. Tháng mười một, Lương quân ngã bệnh mà tạ thế. Trong đám bạn bè giao du, hàng công khanh thường thường đều bảo “Ta đã mượn danh tánh của Bổ khuyết Lương quân”. Do đó mà biết thì Lương quân mất vào tháng chín năm Trinh Quán thứ chín. Các cao Tăng ở hoàng triều truyền nhau rằng: Học trò ngài Kinh Khê làm quan ở triều đình thông đạt tuy nhiều, nhưng người được đạo thì chỉ có Học sĩ Lương Túc. Kinh Thi có nói: Chỉ con chim thước có tổ, chỉ con chim Cưu bay đến ở. Lương quân thấm sâu Phật lý nên gọi thế. Ông từng san định Chỉ Quán làm sáu quyển, tuyển soạn thành một sách để truyền người đời sau, lại còn bổ chính chú thích giúp dễ dàng học hiểu. Khi soạn bài tựa này thì Lương quân ở đất Việt.

Về văn bài tựa tức nói tóm lược. Về nguồn gốc bài tựa: Nói về ngài Trí Giả truyền nghiệp. Phần này có hai:

1. Nói về ba việc nương nhau. Thánh không phải đạo thì không sinh, đạo không phải giáo thì không sáng, giáo không phải người thì không hành. Đó là ba việc nương nhau mà trụ.

Bạch Hổ Thông nói: Thánh nhân là gì? Thánh là Thông, Đạo là Tiếng. Đạo không chỗ nào không thông, sáng không chỗ nào không chiếu. Nghe tiếng biết tình gọi đó là Thánh nhân. Nay nói Thánh là chứng, đoạn hoặc chứng lý nên gọi là Thánh. Đạo tức là lý. Do chứng lý mà thành Thánh, do đó Như Lai thành đạo ở tịch đạo tràng. Đạo không phải giáo thì không sáng, lý ấy tuy không nói năng, nhưng nhân nói mà ngộ lý. Do đó ngài Tịnh Danh hiện bày giáo ở Tỳ-da. Giáo không phải người thì không hành, là giáo phủ dụ khắp đời sau nhưng nếu không nương vào bốn y thì không do đâu để lưu hành. Do đó mà ngài Trí Giả làm Số ở Thiên Thai. Ba thứ ấy là lý, giáo, người. Bảo rằng ngộ lý mà thành Thánh, là do giáo mà ngộ lý, truyền giáo ắt phải do người, ba

việc nương nhau nên gọi nương nhau mà trụ.

2. Riêng chỉ người truyền đạo. Có hai:

a. Nói ngài Tịnh Danh hiện bày giáo. Đạo có lớn nhỏ quyền thật nên ngài Tịnh Danh dùng hình thức tại gia mà hóa đạo được thành. Đạo rất ráo chỉ có một, tùy cơ mà có sai khác, nên ở lý chân trung có khác. Cơ Tạng, Thông thì thấy Đản không quyền lý, có biệt cơ viên thì thấy Trung đạo thật lý. Tiểu thừa là lý tạng, còn Đại thừa thì gồm cả ba giáo. Đã căn duyên không phải một, thì ngộ đạo cũng không thuần là một. Do đó mà ngài Tịnh Danh hiện thân Cư sĩ khen ba giáo là Đại thừa, chê tam tạng là Tiểu thừa, khen Viên thật, chê Thiên quyền, có ý khiến thẹn Tiểu mà mộ Đại, từ quyền vào thật mà thôi.

b. Nói ngài Trí Giả truyền nghiệp. Lại có:

Làm sơ trình bày kinh. Người có Thánh hiền sâu cạn, nên ngài Trí Giả lấy y đầu mà mở pháp. Người tức là bốn y. Y đầu tiên ở Hiền vị nên cạn, ba y kia ở Thánh vị nên sâu. Cả bốn y đều có thể hành giáo. Nay ngài Trí Giả dùng y đầu ở Hiền vị làm Sơ để thông kinh mở mang giáo pháp. Năm phẩm, sáu căn là y đầu, Thập trụ là y thứ hai, Thập hạnh, Thập hồi hướng là y thứ ba, Thập địa là y thứ tư. Đều gọi là y, là vì bên trong có đạo pháp có thể làm chỗ y chỉ cho trời, người.

Đời mật pháp được lợi. Về sau nhân nói lời Di ngôn tức tượng quên tượng, khiến kẻ hậu học được con đường chánh chân mà dạo cửa đạo nghĩa. Song Phật hội họp những kẻ học đạo do ngài Tịnh Danh chủ trì, còn ngài Trí Giả có công truyền thụ sau khi Phật diệt độ. Dem Sơ văn này làm rõ ý kinh, khiến người dễ hiểu. Vì văn tự giải thoát nên nói: “Nhân nói lời di ngôn”. Quán thân thật tướng nên nói: “Tức tượng quên tượng”. Nói tượng là nói Chu dịch. Nay dùng thân để nói phân chia, không dùng văn tự để hại ý. Chu Dịch lược nêu rằng: Lời, sở dĩ để làm sáng rõ tượng, được tượng thì quên lời. Tượng, sở dĩ để tồn ý, được ý thì quên tượng, giúp khiến kẻ hậu học đời mật pháp tìm đọc nghĩa Sơ mà đạt được ý kinh. Được giải thoát, là nói con đường chân chánh để dạo chơi cửa đạo nghĩa Phương đẳng. Kinh Dịch nói: Thành là tánh còn, còn cửa đạo nghĩa.

Nói Tổ Kinh Khê thuật lại: Tổ mà thuật lại, việc đó tồn tại, thì gọi người là Tổ, những gì thuật lại là pháp. Văn Tuyền nói: Tổ cấu thành nơi chốn, lời chú nói Tổ là pháp người là chỉ ngài Kinh Khê. Kinh Dịch nói: “Thần mà sáng là còn ở nơi người”.

- Nói rộng lý do đặt tựa có hai:

Lý do của chánh tựa, có hai: Chánh tựa: Tổ Kinh Khê thuật, có

hai: Nói nổi tông được ý chỉ, lại có hai:

a. Khen tóm lược: Thiên thai, đại Tỳ-kheo Trạm Nhiên Công Toản là người nối pháp của ngài Trí Giả, thấu hiểu rất tinh diệu về Tỳ-da, học văn tự nhất quán, uyên bác về hội quy giải thoát.

Đại Tỳ-kheo, Đại là lời tán dương, như ở đời có kẻ tự xưng là đại Sa-môn, đâu phải chỉ là tự kiêu căng thất lễ, cũng là hiện rõ cái lỗi thất học ngu si. Toản là rèn tập, Dận là nối giòng. Thám là biết, có được, Trách là sâu sắc. Tỳ-da, Hán dịch là Quảng nghiêm, tức kinh này được nói ở thành Quảng nghiêm, là biển sâu. Văn Tuyền nói: “Sâu hơn là vực thẳm”. Chú thích: vực thẳm là biển. Đây là do ngài Kinh Khê thừa tiếp Thiên Thai nghĩa môn tìm ra chỉ thú kinh này, có thể thấu suốt cái sự cạn cợt của văn tự mà đạt đến cái lý sâu xa của giải thoát.

b. Nói rộng về tựa. Ngày xưa chính Đại sư Trí Giả diễn nói kinh ấy đầy đủ nghĩa Thiên Viên Tiệm Đốn, rất ráo cái thể sinh tô của Phương đẳng, ý chỉ sâu xa, đạo lý tinh vi, lời nói vi diệu ở đây. Dùng lời sơ này không mê lầm, nên thường ở ngoài thì mở mang giáo, bên trong thì lắng trong soi chiếu. Có đến cả trăm người học đều quyết tới bến bờ. Diễn nói kinh ấy, tức nhận lời thỉnh cầu của Hoàng đế Tùy Dạng mà soạn giảng lời Sơ.

Đây đủ Thiên Viên... vì trong kinh chê Thiên trách Tiệm cả bốn giáo đều nói. Sinh tô là kinh Niết-bàn Phật nêu ra năm chất vị, dụ cho cả một đời giáo pháp. Từ trâu sinh ra sữa là dụ cho Phật mới nói kinh Hoa Nghiêm. Từ sữa sinh ra lạc là dụ cho thời Lộc uyển. Từ lạc sinh ra sinh tô là dụ cho thời Phương đẳng. Từ sinh tô sinh ra thực tô là dụ cho kinh Bát-nhã. Từ thực tô sinh ra đề hồ là dụ cho kinh Pháp hoa, Niết-bàn.

Từ “kỳ chỉ...” là khen sơ văn chỉ thú sâu xa, đạo lý tinh vi. Lời nói vi diệu tức là lời sơ rất tinh vi. Hiện còn ở đời nên gọi là tư. Tư là đây. Dùng đây không mê lầm, tức dùng lời vi ngôn này, bên trong thì tu quán pháp, bên ngoài thì dạy dỗ kẻ hậu lai, tự hành hóa tha quyết không nghi hoặc.

Ngoài thì mở mang giáo ấy, tức là giảng nói hóa tha. Trong thì lắng trong soi chiếu, tức là tự tu quán hành, nước tâm lắng trong, châu liễn hiện rõ, nên nói là “lắng trong soi chiếu”. Lại chiếu tức là sáng, lắng trong là sạch. “Có cả trăm người...” là nói người học trong sạch mà đến quy ngưỡng ngài Kinh Khê như trở về nhà mình. Bờ nước gọi là nhai.

- Nói tóm tắt về chỗ nương của nhân:

Ngài từng bảo các môn đệ rằng tác phẩm của Tổ sư đạo rất nổi tiếng. Người thích gọn thì cho là quá rườm rà. Kẻ chọn tinh thì bảo là còn sót phần thô vụng. Ta muốn nhân trình bày giáo ấy sửa lại lược bớt, chỉ giữ phần tinh yếu, được chăng? Chúng đệ tử Tỳ-kheo đều đánh lễ xin ngài làm việc đó. Do đó ngài chỉ nêu lời hoàn hảo lập thành mười quyển, không mất ý xưa, nghĩa lại sáng rõ, cùng bộ trước lưu hành tên là Tịnh Danh Lược Sớ.

Đạo ấy rất nổi tiếng, tức Sớ giải, đề kinh gồm cả sáu quyển. Đề gọi là Huyền. Sớ giải văn kinh đến hai mươi tám quyển, tên gọi là Văn. Tổng sớ giải gồm ba mươi bốn quyển, nên gọi là rất nổi tiếng “thậm trừ”. Bản khác nói là rất lớn (Thậm đại) cũng thông. Thận đại là tiếng lấy từ Chu dịch. Thận trừ là tiếng lấy từ Văn Tuyền. Nhi thị ... là nói lời Sớ quá rộng dài. Thị là tham, Giản là lược, gọn.

Ngã dục... là nói muốn cắt gọn. Ta muốn nhân trình bày là nhân lời sớ cũ thành văn, nay muốn trình bày giáo, thì không phải là soạn bản khác. Sửa mà cắt bớt, tức là cắt bớt những lời rườm rà lộn xộn mà giữ lại những lời tinh yếu. Cho nên ngài Kinh Khê tự đề tựa rằng: “Cái nào mang ý nghĩa thì giữ lời, rườm rà thì lược bớt”. Hà như là đem việc để hỏi có được chăng? Đệ tử..., tức chúng đồng tình nên cùng yêu cầu thực hiện. Nêu lấy lời hoàn hảo. Chữ Tước có hai nghĩa là bỏ, và lấy. Nay nói: Trong phần Sớ dài thì lấy lời hoàn hảo riêng làm một bộ. Lời văn tuy ngắn gọn mà nghĩa môn không đổi, nên nói là “Không mất ý xưa”, vì lời rườm đã lược bỏ, nên tinh nghĩa càng sáng rõ, nên nói là nghĩa lại sáng rõ.

Cùng bộ trước ... , đây là nói ngài Kinh Khê chỉ giữ lấy những lời hoàn hảo mà không bỏ lời Sớ cũ, bản mới có tên là lược so với bản cũ là quảng, khiến ai thích nói rộng thì tìm bản cũ, ai thích nói gọn thì theo bản mới. Nên cùng bộ trước lưu hành, là theo sở thích người đọc, đều như nhau.

- Nói chung về đại ý lập giáo. Có hai:

Nói về Tùy cơ lập giáo: Nguyên Thánh nhân có vị thấy rõ chúng sinh có căn khí không giống nhau, nên dùng bốn giáo, năm vị sắp đọc sắp ngang; có vị thấy muôn pháp giương thả không khác, nên dùng một đạo Nhất thừa hội nhau mà thành.

Trong văn trước nói Thánh nhân xem cơ không bằng nhau. Thánh nhân tức là Phật, sinh sinh là quần sinh, cũng gọi là mọi người. Song, tất cả chúng sinh đều vốn có đủ một đạo bình đẳng không khác, chỉ do luân tập cạn sâu, nên mới có quyền thật, lợi độn khác nhau. Nên gọi là



không bằng nhau.

Cố dụng ... , là nói Đức Phật tùy cơ nên có một đời giáo pháp. Trước dùng bốn vị điều cho thuần thực rồi sau mới dùng Pháp hoa hội về.

Từ “bốn giáo... vĩ chi”, là nói bốn vị giáo. Năm vị luận dọc như kinh, bốn giáo luận ngang như vĩ. Sở dĩ Hoa Nghiêm có hai giáo, Lộc uyển chỉ một, Phương đẳng đủ bốn, Bát-nhã chỉ có ba là vì căn khí không đồng, kỳ thật bốn vị nêu đủ nói là năm.

Hữu dĩ... là nói Pháp hoa giáo. Thử trương (thả giường) là thả và giường. Lễ Ký nói: Một giường một thả là đạo văn võ. Chú thích: dùng cung nỗ dụ cho người. Nếu cung nỗ giường lâu thì mất sức, còn thả lâu thì mất hình thể. Nay nói thả giường cũng là phước và hưng. Các pháp sinh diệt tánh nó nhất như, nên nói là không khác. Chỉ thời Pháp hoa trở về trước vì cơ khí không bằng nhau, nên chưa kham lời nói này. Cơ duyên đã thuần thực rồi thì Thiên, Tiểu cùng về, nên nói là hội nhau mà thành.

- Nói ý lập giáo. Có hai:

a) Trước nói xưa và nay khác nhau. Song Thánh nhân tùy cảm mà đem lại lợi ích, nên giáo không thể Không khác, kẻ Hiền triết nhân cảm mà lập ngôn, nên nghiệp ấy không thể Không truyền.

Phật dùng đức cao quý ở quả vị, chúng sinh hợp cơ nên nói là lợi kiến. Kinh Dịch nói: Rồng bay trên trời, đại nhân thấy có lợi.

Không thể Không khác, đã tùy căn cơ của vật nên có năm thời bốn giáo khác nhau. Hiền triết tức ngài Trí Giả, nên soạn lời sơ để trình bày ý chỉ. Kinh Dịch nói: Soạn lời lập ngôn để giữ nghiệp.

Không thể Không truyền tức là làm lợi cho đời mạt pháp, nên sơ nghĩa không thể Không truyền trao. Triết là trí.

b) Nói phó cơ là một: Xem thấy cơ cảm, thì Tỳ-da cùng Thiên thai, im lặng và nói tùy ngôi bậc không đồng, rộng hẹp có khác, nhưng việc phó cơ thuyết giáo chỉ xem là một.

Ngài Tịnh Danh im lặng ở Tỳ-da, ngài Trí Giả lập ngôn ở Thiên thai. Lập ngôn là soạn lời Sơ. Tả Truyện Mục Thúc có nói: “Thái thượng có lập đức, sau đó mới lập công, sau đó mới lập ngôn. Đây gọi là bất hư. Ngôi bậc không đồng, tức ngài Tịnh Danh là Thánh nhân bậc Đẳng giác, còn ngài Trí Giả thì chỉ là Hiền nhân năm phẩm. Rộng hẹp có khác, gồm có hai ý: Một là, im lặng là hẹp, gọn (lược), lập ngôn là rộng; hai là, ngài Kinh Khê là lược, gọn, ngài Trí Giả là rộng. Đều phó cơ hợp lẽ nên có cái khác này. Luận việc lợi vật thì thật không khác,

nên kết rằng đến việc phó cơ thì bằng nhau. Quý là lưỡng.

- Tự khiêm nhường nói ý mình:

Nói khiêm: Tôi từng học kinh với Công môn (ngài Kinh Khê), luận đạo cùng nghĩa học, tuy dull ngược không đến nhưng ngợi khen chưa đủ. Cho nên viết lời tựa này kể rõ việc ngài làm, xem là lời khen lớn.

Học kinh với Công môn là học kinh nghĩa ở cửa ngài Kinh Khê. Dull ngược không tới, là trong Luận ngữ, Nhan Uyên khen ngài Khổng tử rằng: “Ngược lên thì to cao, mà dull mài thì quá rắn. Nên nói là không đến”. Khen ngợi chưa đủ, là trong bài tựa Mao Thi có câu: “Nay Lương quân đã học kinh nhận được chỉ thú, lại thấy văn ngài Kinh Khê sửa ngắn gọn khen ngợi không đủ, nên soạn bài tựa này để thuật việc trước tác văn từ”.

Ghi lại năm tháng: Văn số viết xong vào năm Giáp Thìn. Thầy tôi từ Tấn lảng trở về Phật lũng vào mùa hạ.

Giáp Thìn tức đời Đường Đại Tông năm Quảng Đức thứ hai. Tấn lảng là tên huyện ở Thường châu, Phật lũng ở Thiên thai. Thần Ung Sơn có ký rằng: Từ chùa Tu thiên đi về hướng Nam hai trăm bộ, có tảng đá lớn bằng phẳng như cát gọt thành. Các Cổ lão truyền rằng Phật thường ở đấy phóng quang nên gọi là Phật lũng, mùa Hạ ấy ngài Kinh Khê ở chùa Tu thiên.

- Bài tựa của ngài Kinh Khê:

Tên trước đây là Tự tự, không nên đặt thêm hiệu người trước thuật. Như Khổng An Quốc truyền bộ Thượng Thư, Đỗ Nguyên Khải tập giải bộ Xuân Thu, Hà Yến tập giải bộ Luận Ngữ đều làm tựa dẫn mà không viết tên mình. Vì ngài Kinh Khê biết rộng mà đề tên là trái phép trước. Do đó, bản xưa không đề hiệu tác giả. Bản ngày nay nếu có đề là do người sau đối thêm vào.

Về Bản văn có:

Nguyên do viết lời Sớ:

Tùy Dạng đế, nhà Tùy gồm có ba. Vua là Cao Tổ, Văn Đế và Dạng Đế. Dạng Đế sau nhường ngôi cho nhà Đường. Cha của Cao Tổ thờ nhà Chu, làm Trụ quốc đại tướng quân, được phong Tùy quốc công. Văn Đế được nhà Chu nhường ngôi, do đó lấy quốc hiệu là Đại Tùy, liền truy tôn cho Hoàng Khảo (cha đã chết) là Võ Nguyên Hoàng đế. Dạng là tên thụy. Thụy Pháp nói: “Nghịch với trời, bạo ngược với dân gọi là Dạng Đế”. Bạch Hổ Thông nói: “Đức hợp với trời đất gọi là đế.”

Hỏi: Dạng Đế và Trần Hậu Chủ đều theo học với ngài Thiên Thai sao lại vô đạo mà mất nước, Đại sư lẽ nào chẳng liên lụy hay sao?

Đáp: Trước là thiện, sau là hung dẫn đến mất nước. Dù học với thầy nhưng hành không đến thì phải thế thôi. Nên Thư có nói: “Chỉ kẻ điên mới nghĩ mình làm Thánh, chỉ Thánh mới không nghĩ mình làm điên.” Cho nên tánh người tầm thường không thể Không cẩn thận. Bậc Thượng trí thì không như thế. Nên nói rằng: “Có trước có sau chỉ là Thánh nhân.” Cho nên làm bậy là ở người ấy, đâu nên trách thầy. Xưa Lý Tư học Nho với Tuân tử, Nguyên Tung học Phật với người mất tên. Lý Tư làm thừa tướng nước Tần mà chôn Nho đốt sách, Nguyên Tung phò nhà Chu diệt mà Thích hủy Phật, há lại quy tội cho thầy ư? Nhìn lại Hiền Thánh như Nghiêu, Thuấn, Chu công mà có con như Đôn Chu, Thương quân là hàng bất hiếu, có em như Quán Thúc, Thái Thúc là kẻ bất nhân, há là Nghiêu Thuấn Chu công dạy không tương tận ư? Văn Trung Tử nói: “Thi Thư thanh hành mà nhà Tần mất, không phải là tội của Trọng Ni; Hư Huyền lớn mà nhà Tấn loạn, không phải là tội của Lão Đam; trai giới tu mà nhà Lương đổ, không phải là tội của Thích-ca. Lấy đây mà nói Tùy Dạng vô đạo, Hậu chủ hoang dân không phải là tội của Trí Giả. Lại, Bồ-tát trụ ở Thủ-lăng-nghiêm hoặc hiện vô đạo hoặc hiện có đạo. Nếu hiện vô đạo thì làm gương xấu (gương vua nhà Ân) cho trăm vua, khiến họ phải lánh xa ác. Nếu hiện có đạo thì làm khuôn phép cho trăm vua, khiến họ làm thiện.” Như thế thì tùy căn mà lý ứng đâu câu luận là kịp hay không kịp.

Dạng Đế tên húy là Quảng, ở ngôi mười một năm, thọ năm mươi chín tuổi, niên hiệu Đại Nghiệp. Về văn sắc chế... , về sắc thì Văn tâm Điều Long có nói. Nhà Hán xưa định phép có bốn bậc: Một là, Sách thư; hai là, Chế thư; ba là, Chiếu thư; bốn là, Giới sắc. Về Giới sắc thì ban khuyên răn xuống châu quận. Chiếu là khuyên bảo trăm quan. Chế là thi hành lệnh đại xá. Sách là để phong chọn Hậu vương. Chế là cất bớt, chế tài, Chiếu là khuyên bảo. Sắc là sửa cho đúng. Nói tóm tắt sắc là sửa trị cho đúng. Nghĩa là vua nói ra là đã sửa trị đúng, quần thần không dám sai trái. Đại đế thì Chiếu và Chế đồng nhau. Đời Đường trong năm Trinh Quán bắt đầu dùng giấy vàng để viết Sắc chế. Đến Đường Cao Tông năm Thượng Nguyên thứ hai, vua ra chiếu rằng: “Chiếu và sắc được thi hành xem như vĩnh viễn, so việc dùng giấy trắng có nhiều mỗi một. Từ nay về sau quan Thượng thư ban xuống thiên hạ đều nên dùng giấy vàng.”

Quốc thanh là tên chùa; Bách lục, là ngài Chương An ghi chép việc ra quy chế phép tắc của Đại sư Trí Giả khi còn sống và các chiếu sắc của vua chúa, các thư khải tấu trình của khanh tướng... có một trăm

điều, gồm năm quyển, nhân chùa đặt tên nên gọi là Quốc thanh bách lục.

Khi sao chép số thì Dạng Đế còn là vua nhà Tấn. Khi Đại sư mất thì mới lên ngôi. Nay theo lúc sau nên nói Dạng Đế và sắc văn. Đời Hán quy định Thiên tử thì ban sắc, hoàng hậu, hoàng thái tử thì ban lệnh, các vương thì ban giáo.

“Thị giả ...”, là gọi người cung phụng hầu hạ. Thị giả gặp lúc Đại sư nhập diệt nên chỉ ghi đến phẩm Phật đạo, tức là niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy. Biệt Truyện nói: Dạng Đế đối di cảo Tịnh Danh Số mà phát thệ rằng: “Xưa thân thờ ân Sư chưa được học hiểu. Nay thừa hành di chỉ, do đâu được ngộ. Kính mong ân Sư thù từ ngậm dạy, khiến đọc văn liền hiểu...”. Đêm ấy, vua mộng thấy chư Tăng tập hợp trên gác, vua tự nói nghĩa, giải thích vấn nạn lưu loát như nước chảy. Chợt thấy Tiên sư bay trên không mà đến, khoảnh khắc thả bảy hạt châu chiếu sáng trong gác rồi giả từ bay đi, nhân đó vua có chỗ ngộ. Lại Biệt Truyện ghi: Đại sư một đời giảng nói, không soạn chương số, chỉ vâng sắc vua soạn Tịnh Danh Số đến phẩm Phật Đạo có hai mươi tám quyển, còn phần sau tức Bất Nhị Môn, Hương Tích, Bồ-tát Hạnh, A-súc Phật Quốc, Pháp Cúng Đường, Chúc Lụy... sáu phẩm.

Chương An là tên đất, húy là Quán Đảnh, kẻ hậu học tôn vinh nên chỉ nơi sinh ngài mà gọi tên. Song Đại sư Trí Giả biện tài luận giảng như mây bay, mưa đổ, có khả năng ghi và nhận chỉ duy nhất có Chương An. Nên các bộ giáo thuyết đều do ngài Chương An kết tập nhuận sắc.

“Phần sơ văn...”, là nói nhân sửa gọn.

Kẻ hậu học ngại nhiều. Truy tố là tăng và tục. Ở Ấn Độ y phục của Tăng phải nhuộm màu, y phục của thế tục thì để trắng, nên nói là truy tố. Phương này “Hán) lấy sáu nhập làm huyền, bảy nhập làm truy. Truy thật ra có sắc đen, vì hàng Thích tử phải mặc áo hoại sắc, không phải là ngũ phương chánh sắc và gián sắc. Nhưng hoại sắc thì gần với truy sắc, nên gọi là truy y (sắc áo nhà tu). Thật ra không phải là truy sắc.

“Xem xét kỹ...”, Số này nói về ba quán bốn giáo ý chỉ sâu xa, lời cao siêu không phải chỗ ưa thích của người hiểu biết cạn cợt.

“Chỉ rằng...”: Tuy đều cảm mến nhưng chỉ sợ quá dài rộng.

“Cổ triếp...”, là ngài Kinh Khê sửa ngắn gọn còn ba quyển. Trước là nói ghi lệ chung. Triếp là chuyện. Số là thị giả ghi lại thành, nên nói ghi mà lấy bỏ, là chỉ về lệ chung.

“Mang nghĩa... ..”, câu đầu là lấy, câu kế là bỏ.

“Khiến bản cũ...”, là chỉ phần được của lược số. Thứ nào đủ nghĩa thì giữ lại, tức văn thể của lời số cũ rõ ràng không thay đổi. Tiên sư tức Trí Giả.

“Nhiên tự... ..” là nói Đại sư ngầm gia hộ. Nhiên là tên húy của ngài Kinh Khê. Xưa các Cao tăng khi lập ngôn làm tựa phần nhiều chỉ xưng một chữ. Như Tăng Hựu Hoằng Minh trong lời tựa nói: “Hựu tôi vì học kém”. Trong Niết-bàn Duyên Khởi, ngài Chương An làm tựa nói: Đánh tôi bị bệnh ở Dự chương, tính là xem, tức là tự xét mình tài hèn biết hẹp tuy muốn rút gọn, nhưng sợ mất phép cũ của Tiên sư, tức nguyên bản. Quy là phép tắc, Mạnh tử nói: “Người thợ lớn dạy người, ắt dùng quy cũ”. Thường là từng. Phần đường tức là tháp của Đại sư, tiếng Phạm gọi là Tháp-bà, Hán dịch là Phương phần “mã vuông). Đàn Cung nói: “Xưa là mộ mà không đắp cao thì nay chỉ còn gò đất.” Người các phương Đông, Tây, Nam, Bắc không thể Không biết, do đó mà xây kín cao bốn thước. Nay nói Phần đường, là bởi ở phần mộ mà xây nhà lập tượng, tức nay là Thiên thai tháp viện. Biệt Truyện Đại sư ở phần Di chúc có nói: “Là đất nơi chôn cất sau khi chết, chất đá quanh thi hài, trồng cây tùng để che mát.” Xây tháp ở trước khiến người thấy thì phát tâm. Cầu trưng tức tìm tòi đòi hỏi, có chứng cứ. Song ngài Nhiên xin xâm việc tốt xấu. Nếu chỉ rõ có lưu ngại là chứng cứ xấu, thì biết việc rút gọn là không hợp ý Tiên sư. Nếu không có lưu ngại là chứng cứ tốt, thì biết việc rút gọn là đã ngầm phù hợp với ý chỉ trước. Thượng thư có Hưu Trưng và Cửu Trưng. Khổng Truyện có nói: Xin ứng nghiệm bày việc tốt xấu. Lưu ngại tức là các duyên bệnh hoạn. Hai tuần, mười ngày gọi là một tuần. Phẩm Phật Đạo chấm dứt ở đây, là nay lược số đã được chín quyển. Đã không có lưu ngại thì biết là khỏi ngầm trách nên viết xong nhanh phẩm Phật Đạo. Đâu không phải là ngầm gia hộ. Ninh là há, u minh đều chỉ Đại sư ở cảnh Thường tịch quang.

Hỏi: Ngài Kinh Khê là gương sáng hiểu sâu, cất cở nhật hoa đảm đương đại pháp quả thật thuộc bản thân, đâu cần tìm chứng cứ để làm chuẩn cho sau này?

Đáp: Có hai ý: Một là, nói không phải khinh dễ mà dùng để khích lệ đám hậu môn; hai là, bày việc khế hợp ý Sư để ngăn việc chê bai của người khác. Bởi cất bỏ văn mà chứng tỏ mình lúc đó cạn hiểu thì luôn luôn có lỗi, xưa cũng như nay.

Văn Trung tử nói Vương tử đọc kinh có người cho là có lỗi. Dem việc nước Tiết dứt nghĩa họ Diệ nói với ông. Ông bùi ngùi than rằng muốn kể trí làm quấy ư? Ta muốn làm việc tốt nhưng trở thành có lỗi.

Vậy là kẻ ngu làm quấy ư? Ta nào biết làm sao?

“Từ thẳng bì ...”: Là nhún nhường nói ý mình. Hai câu đầu là nói ý, vả lại như phần lược số này giúp bổ khuyết tông chỉ Đại sư, khiến kẻ hậu học sáng suốt dễ hiểu, tránh được sự mờ tối dài dòng. Văn Tuyền nói: “Dấy binh hùng mạnh, nghiệp vương huy hoàng! Quang, tức là quang minh.” Chú thích rằng: “Sáng rõ võ tướng là lầm.” Chỉ thấy thiên Nhĩ Nhã ý nói rằng: “Quang quang củ củ võ dã”, đến nỗi đã giải thích sai điều này.

Hậu côn, trong Thượng thư Trọng Hủy Chi cật vấn rằng: Thù y dụ hậu côn (để lời dạy cho bọn sau). Trong truyện Khổng An Quốc có nói: “Để lại đạo ưu dụ dạy cho đời sau.”

“Mong các... ..” là tự nhún mình. Ký là trông mong. Thứ là tiếng nói: Dùng tâm độ vật gọi là thứ.

Về số văn có đề mục, tức chánh nêu đề mục. Số là số giải, phán quyết. Làm thông suốt kinh văn, quyết chọn ý chỉ Phật nên gọi là số. Văn Tâm Điều Long có nói: “Số là khắp, khắp đặt đầu mối muôn vật, tóm tắt nêu ý gạn, nên gọi là số”.

Tách biệt năng, sở, giải thích tên tựa đã rõ.

Hỏi: Vì sao không đề tên Lược số?

Đáp: Dưới đề đã ghi Sa-môn tên gì đã lược, nên trong đề không có chữ Lược. Hoặc thiếu hoặc đề là Lược số, thì dưới đề chỉ được viết tên mà thôi, thì lại không hợp có chữ rút gọn. Như Đỗ Dự chú giải truyện Xuân Thu trên, đã đề Xuân Thu Kinh Truyện Tập Giải, nên dưới chỉ viết hai chữ Đỗ thị. Hà Yến chú giải bộ Luận Ngữ chỉ đề là Luận Ngữ Đệ Nhất, nên dưới viết là Hà Yến tập giải. Nay Kinh Khê lập đề, ý giống Hà Yến.

Nói tên Lược để khen. Trước nói người, kế nói người lược.

Thiên thai là núi của Đại sư Trí Giả đã ở. Đào Ẩn Cư Chân đã hỏi: Núi cao mười tám ngàn trượng, chu vi tám trăm dặm, núi có tám lớp, bốn mặt đều như một, trên có ứng hiện một đài sao Đẩu ngữ, nên gọi là Thiên thai. Hai chữ Trí Giả tức là Gia hiệu của Đại sư. Thần Ung Thiên Thai Ký có nói: Dạng Đế lúc ở Phiền đế là Tấn vương. Năm Khai Hoàng thứ chín, dẹp nhà Trần xong thỉnh Đại sư truyền cho giới Bồ-tát. Khi vương đã học giới bèn theo Địa Trì kinh phong hiệu Sư là Trí Giả. Đại sư, là ôn cũ biết mới nên gọi là Sư. Pháp Ngôn nói: Sư là gương mẫu của người. Tôn Khanh tử có nói: Thuật làm thầy có bốn: Tôn nghiêm đáng kính sợ có thể làm thầy. Già lão đáng tin có thể làm thầy. Đọc nói không lẫn lộn có thể làm thầy. Biết chứng cứ mà luận có thể

làm thầy. Đại là tiếng tôn xưng. Duyệt, Văn Tâm Điều Long nói: Duyệt là vui. Đoái là miệng lưỡi, nên nói ngôn tư duyệt duyệt.

Kế lược về hiệu:

Sa-môn, Hán dịch là Cần tức, nghĩa là siêng làm các thiện, ngăn dứt các ác. Dứt ác nội giới, là Sa-môn của Tạng, Thông giáo. Thứ lớp dứt ác nội ngoại giới, là Sa-môn của Biệt giáo. Nhất tâm khắp Trung dứt các ác nội ngoại, là Sa-môn của Viên giáo. Kinh Khê tức là người ấy. Húy là Trạng Nhiên, họ Thúc thị, ông cha ở Kinh Khê tại Tấn Lăng, là người Thượng châu. Người tôn kính giáo ngài nên lấy Kinh Khê làm hiệu, hơn hai mươi năm học kinh với ngài Tả Khê, lấy việc ở ẩn học đạo làm vui. Năm Thiên bảo thứ nhất mới vào Tăng tịch, lúc đó ngài ba mươi bảy tuổi. Ngài theo học luật với Luật sư Đàm Nhất ở Cối kê. Đầu tiên ngài ở Tấn lăng, Ngô quận, khoảng giữa ngài đến ở Ngũ đài, cuối cùng ngài về Thiên thai đều hành trì và giảng Chỉ Quán. Cuối năm Thiên Bảo đầu năm Đại Lịch có nhiều chiếu thư của vua quan liên tiếp mời ngài nhưng ngài đều từ bệnh không đến. Ngày mồng năm tháng hai năm Kiến Trung thứ ba, đời nhà Đường ghi ngài thị tịch ở tại đạo tràng Phật lũng. Ngài hưởng thọ bảy mươi hai, pháp Lạp ba mươi bốn. Bình sinh ngài luôn nhật hạnh, biên tập giáo pháp, giải quyết các điều nghi trước, mở mang các trệ ngại sau. Các giảng truyền của một nhà đều do ngài truyền thuật gồm hơn trăm quyển được thành hành trên đời. Nên trong Hoàng Triều Cao Tăng truyện nói: Xét bắt đầu từ năm Thiên Bảo cuối cùng là năm Kiến Trung, ngài đem tâm tự chứng mà nói pháp chưa từng nghe, kinh chưa từng nói. Trong thời gian ngắn làm Phật sự lớn chỉ có mình Sư. Lược là cất bớt lời rườm, giữ nguyên nghĩa tinh yếu.

Về bản văn. Có hai: Một là, khai chương; hai là, giải thích, có năm.

Kinh độ Bất tận: Có chính nói Bất tận, lại có lược nêu bản dịch đời Tần, có năm bản dịch kinh này :

1. Đời Hậu Hán, do Thanh tín sĩ Nghiêm Phật Điều dịch một quyển, tên Cổ Duy-ma kinh.
2. Đời Ngô Triều, do ngài Chi Khiêm dịch, hai quyển tên Duy-ma-cật Thuyết Bất Tư Nghì Pháp Môn kinh.
3. Đời Tây Tấn, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch, một quyển tên Duy-ma-cật Sở Thuyết Pháp Môn.
4. Đời Tây Tấn, do ngài Thúc Lan dịch, ba quyển, tên Tỳ-ma-la-cật kinh.
5. Đời Diêu Tần, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch, ba quyển tức bản

nay đang giải thích.

Đến đời Đường, có Tam tạng Huyền Trang lại dịch, sáu quyển, tên Phật Thuyết Vô Cấu Xứng kinh. Ở đời nay có sáu bản dịch. Ngài Trí Giả ở đời Tùy chỉ thấy có năm bản dịch.

Nói dịch, thì vua có chế rằng: Dân ở năm phương tiếng nói không thông, ham thích không đồng. Muốn thấu suốt ý chỉ hiểu rõ ham thích thì phương Đông gọi là Ký, phương Nam gọi là Tượng, phương Tây gọi là Dịch vĩ, phương Bắc gọi là Dịch.

Trích Huyền chú rằng: Đều là tên nghe thấy ở thế tục căn cứ vào việc mà suy ra. Vĩ là biết. Nay Ký bộ có nói Dịch vĩ, nay chung với tiếng phương Tây mà gọi là Dịch. Bởi đời Hán có nhiều việc với phương Bắc, mà quan viên phải thông giỏi cả tiếng phương Tây. Nên ngài Ma-đăng khi mới đến đã dịch bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương. Lại có khi thêm vào chữ Phiên. Như Đại Tống Tăng Truyền có nói: Như lật ngược gấm lụa thì cả mặt và lưng đều có hoa, nhưng hoa ấy thấy ở hai bên phải trái mà thôi. Nay bản dịch của ngài La-thập tức là một trong năm bản dịch trên. Tiếng Phạm gọi là Cửu-ma-la-thập-bà, Hán dịch là Đồng Thọ, vốn là người Ấn Độ, đến đời Diêu Tần năm Hoàng Thủy thứ ba mới vào Trường an. Vua ra sắc tám trăm Sa-môn đến học ý chỉ ngài La-thập. Vua Tần xem nhẹ tâm Vạn thặng mà tôn trọng giáo Tam bảo, ở chùa Thảo đường cùng ba ngàn Tăng tay cầm kinh xưa mà tham định thì đều thông suốt ý chỉ. Ngài La-thập từ năm Hoàng Thủy thứ bốn đến năm Hoàng Thủy thứ mười một đã dịch đến chín mươi tám bộ kinh gồm bốn trăm hai mươi một quyển. Các ngài Tăng Duệ, Tăng Triệu, Đạo Thường... làm bút thọ. Kinh này được dịch vào năm Hoàng Thủy thứ tám. Nên ngài Tăng Triệu chú kinh Duy-ma trong bài tựa có nói: Vua Đại Tần mỗi khi vui đọc sách này đều xem là chỗ dừng tâm. Mà tiếc ngài Chi Trúc nói lý bị trệ ở văn, nên thường lo Huyền Tông bị đổ bởi người dịch. Vào năm Hoàng Thủy thứ tám, vua sai Đại tướng quân Thường Sơn, Công hữu tướng quân An Thành Hầu cùng một ngàn hai trăm Sa-môn Nghĩa học đến Đại tự, Trường an thỉnh ngài Pháp sư La-thập dịch lại chánh bản.

“Từ Tầm kinh... ..” là Chọn nêu rộng lược, có hai:

a) Các bản Phạm còn rộng, lại có nêu chung chứng cứ và “từ Như mạng... ..” là dẫn văn nêu rõ.

b) Đại sư tìm xem văn nghĩa năm chỗ thì biết các bản Phạm ở Tây Độ cũng nhiều:

1. Phẩm Đệ Tử.



2. Phẩm Bồ-tát.
3. Phẩm Thăm Bệnh.
4. Phẩm Bất Nhị Môn.
5. Hai phẩm Bồ-tát Hạnh và A-súc Phật.

Đây là năm văn từ chưa dịch hết. Trong văn sẽ thứ lớp trình bày.

Như thế năm trăm, tức phẩm Đệ Tử Phật sai cả mười vị. Kinh Gia Thúc nói: Như thế năm trăm vị Đại đệ tử mỗi mỗi đều nói đủ bản duyên. Cho đến tám ngàn vị, tức là ở phẩm Bồ-tát, Phật sai cả bốn vị, ở cuối kinh có nói: “Như thế, các Bồ-tát mỗi mỗi đều hướng về Phật nói rõ bản duyên của mình.”

Hỏi: Ở cuối phẩm Bồ-tát chỉ nói các Bồ-tát, sao lại nói tám ngàn?

Đáp: Ở đầu phẩm Thăm Bệnh, kinh nói: “Liền khi ấy có tám ngàn Bồ-tát và năm trăm Thanh văn đều muốn đi theo”, thì biết trong phẩm Bồ-tát Phật sai tám ngàn vị.

“Từ không kham ...” là cả năm trăm và tám ngàn vị đều nói không kham. Bản Phạm đều có lời này và ở phần sau của phẩm Thăm Bệnh.

Ân cần vô lượng, tức ngài Văn-thù nói ý Phật vậy. Kinh nói: Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi vô lượng. Gồm tám... ..” tức là phẩm Bất Nhị Môn. Tám ngàn vị Bồ-tát cùng đi theo vào thất nói điều mình chứng, cũng là “hợp tụng bày kinh” chỉ có ba mươi hai vị mà thôi.

Các điều luận nói này: nếu nói đủ là Văn-thù hỏi vô lượng.

Kể hết tám ngàn Bất nhị pháp môn đâu chỉ nửa quyển.

“Viên chí ...”, tức là hai phẩm Bồ-tát Hạnh và A-súc Phật. Viên là nói, lời nói. Đến vườn Am-la, tức là ngài Tịnh Danh tay nâng đại chúng trở về vườn Am-la đối trước Phật trở về tông nói nghĩa Phật quốc. Thượng Thư có nói: Đối là nói sự kết thúc của Thiên tử. Khổng An Quốc truyện nói: Đối là đáp. Đáp nhận lệnh khen ngợi. Luận bàn cao siêu qua lại. Vãng là hỏi, phục là đáp. Há cho rằng chỉ có mấy tờ, là ý nói văn hai phẩm rất nhiều.

Trình bày tóm lược cõi này. Chấn Đán, hoặc Chân Đan, Chiên đan, Chỉ-nan đều là tiếng Phạm nói trại. Nếu căn cứ vào Hoa Nghiêm thì dịch là Hán địa (đất Hán). Lại trong Bà-sa có hai âm:

1. Chi-na, Hán dịch là Văn vật quốc, tức khen ngợi phương này là đất áo mào văn vật.

2. Chỉ-nan, Hán dịch là Biên bỉ, tức là nơi đầy ải tội nhân ở đấy không phải là Trung Quốc. Tây Vực ký phiên là Ma-ha Chi-na tức là nước Đại Hán. Hoặc nói mặt trời mọc ở hướng Đông sắc nó như son

(Đan). Nên nói là Chấn-đán. Chân-đan, đây là lời nói trại.

“Sửa cắt lấy... ..”, là các ngài Tam tạng ở phương Tây đều sửa lấy yếu nghĩa Phạm văn mà dịch truyền ở cõi này, cho nên có năm bản dịch không giống nhau nhưng chỉ đến hai, ba quyển mà thôi.

Chọn lấy hạng người tiêu biểu, là đệ tử thì sai mười vị, Bồ-tát thì sai bốn vị tiêu biểu. Vốn có năm trăm và tám ngàn mà chỉ nói phần chánh, còn thì lọc bỏ không nói. Đến việc thăm bệnh thì chỉ nói luận bàn cao siêu vô lượng, chỉ giữ có mấy tờ, đây đều là góp nhặt các cương yếu. Pháp sư Chiêu-đề-diêm nói: Kinh này truyền đến đây không đầy đủ. Ở Ấn Độ có đến năm trăm quyển gồm mười vạn bài kệ.

“Vấn thử... ..” là đối luận giải thích việc phương hại, có dẫn luận mà hỏi lại có dẫn luận hỏi. “đáp... ..” y vào nghĩa mà giải thích phương hại có: Bác xưa bày nay. Từ “cố luận... ..” là dẫn luận bày nghĩa.

Trong văn trước dẫn luận. “Cố pháp... ..” nay Thầy chỉ nghĩa luận nói không cùng chung Nhị thừa, tức giống như không vào tay Nhị thừa. Tay dùng để nhận vật là tiêu biểu cho sức tin để nhận pháp. Hàng Nhị thừa Không nghe do đâu mà khởi tin, nên nói không vào tay. Tức là nói chung... ngài Kinh Khê nói: Đây là nói Cộng bộ, không liên quan gì đến Cộng giáo, nên hai cộng (cùng chung) này đều là cộng Nhị thừa. Bát-nhã Phương đẳng đều có Nhị thừa gọi là Cộng bộ, tên chung là Cộng giáo. Vì ba hạng người đồng học.

Căn cứ tên, nêu chứng cứ:

Ý hỏi “Hoa Nghiêm đề... ..” không đâu chẳng gọi là nghĩ bàn. “Nay kinh đề ...” là nói việc có tên ấy, sao lại bảo là Thích luận nói kinh chẳng nghĩ bàn không phải là kinh này?

Đáp, có hai:

1. Lệ đồng mà chất trái, lại không có tên riêng, nào ngại Hoa Nghiêm có tên khác gọi là chẳng nghĩ bàn.

2. “Nhiên tế... ..” là dẫn luận nêu lỗi. Chính việc Hoa Nghiêm, Tấn dịch Hoa Nghiêm là Minh thứ bốn mươi, Ưu-bà-di Hưu-xá là Thiệt Tài nói pháp độ chúng sinh, tức đồng với Thích luận dẫn kinh chẳng nghĩ bàn nói Âu-xá-na... cho nên biết luận nói kinh chẳng nghĩ bàn nhất định là Hoa Nghiêm.

“Nhược dẫn... ..” là trong luận phạm dẫn kinh này đều nói là kinh Tỳ-ma-la-cật Sở Thuyết. Đây là do người đời thấy kinh này có một tên là chẳng nghĩ bàn giải thoát liền cho là Thích luận dẫn kinh chẳng nghĩ bàn. Việc chấp đã sai nên phải phá kỹ.

Tóm lược phân văn, gồm có hai: Mở chương và giải thích theo.

Trước nói các Sư giải thích. Thập Sinh gọi là La-thập và Đạo Sinh. “Nhi Triệu... ..” tức ngài Tăng Triệu chú thích kinh có tên là “Giải thoát chẳng nghĩ bàn”, tên chùa Khai thiện tức là Pháp sư Trí Tạng.

Tam Chứng Thành, tức là tay nâng đại chúng trở về Am-la đối trước Phật mà chứng thành.

Từ “Nhược Trang Nghiêm ...” là ngài Tăng Mân ở chùa Trang Nghiêm, ngài Pháp Vân ở chùa Quang trạch cùng ngài Trí Tạng ở chùa Khai thiện đều là người thời nhà Lương, lúc đó xưng là ba đại Pháp sư.

Ba luận, tức là Trung luận, Bách luận và Thập nhị môn luận. Người xưa lưu truyền thành hành ba bộ luận này.

Các Luận sư đất Bắc, tức Hà Ty Nhiếp Đại thừa sư. Phân tranh lâu dài, là loạn lạc lộn xộn lâu dài.

Về phán xét của người nay, có nói ý mở chương: là nói ý đối xưa không chê quấy: “Kim tâm... ..” y nay nói phải. “Bên kinh mở khoa...” ngài Kinh Khê nói ý muốn đều khác với hai Sư. Vì bên kinh nên khác các Thiền sư. Vì không chấp nên khác với Pháp sư.

Phàm nói rất đầy đủ, là năm thời không đồng, nhưng vì hợp cơ nên có sai khác nên nói khác nguồn. Nguồn tức là sự mở rộng của nước “Lạm Tràng) dụ cho lúc mới đầu khế cơ. Tuy năm thời không đồng nhưng không có lỗi lầm về cơ. Nên được trước lành sau tốt, có đầy đủ ba ý: Tựa là tựa đầu của chánh thuyết. Lưu thông là thông suốt tông chánh thuyết. Cả ba thứ này không thể thiếu, nên nói là đầy đủ.

“Nay căn cứ... ..” là mở chương: “Chánh... ..”, là y chương mà nói nghĩa có chánh bày kinh, tức là chung nêu các kinh có ba đoạn. Từ xưa đến nay giải thích thẳng kinh văn không từng có chương tiết. Phân kinh ra làm ba đoạn, người đầu tiên là ngài Đạo An. Đời sau tuân hành nhân đó mà thành Luật.

“Như muốn... ..”, phàm dẫn ba kinh nói tướng mượn cơ, đều là mượn việc giả hiện điềm lành mà được nói pháp.

Ánh sáng tạp sắc, là ánh sáng biểu thị cho Bát-nhã soi chiếu sáng suốt. Tạp là biểu thị các hạnh khác nhau. Dùng trí dẫn dắt các hạnh cùng hội về Nhất như, như ánh sáng chỉ chiếu sáng. Dùng hạnh theo trí, các hạnh đã khác nên trí cũng thế, như ánh sáng nhiều màu sắc. Ngài Kinh Khê nói trí Bát-nhã luôn chiếu sáng, nên dùng ánh sáng mà biểu thị. Do đó các kinh thường có phóng quang như trong kinh Pháp hoa. Phóng quang biểu thị cho Trung đạo, nên kinh Pháp hoa cả ba đoạn đều trung đạo. Như kinh Niết-bàn Thường phóng quang biểu thị cho thường, nên cả ba thứ cũng đều Thường. Cho nên biết kinh này hiện ra cõi nước

nên biểu thị cả ba nước đều là cõi Phật. Hiểu sâu ý chỉ này thì các giáo đều sáng tỏ.

Hỏi: Nếu thế thì sao Pháp hoa không lấy Trung đạo làm tông?

Đáp: Giữ lý đồng biên không đâu không phải Nhất thừa.

Nên nói là tựa, song tựa riêng có hiện điềm lành tự thuật, nếu luận về nguyên do thì chỉ là điềm lành hiện tại và tự thuật chỉ là kể việc hiện điềm lành trước và gần xa hai nguyên do mà thôi. Lại có kinh hoặc không có tự thuật, nên nay chung nêu nghĩa của tựa chỉ có ở điềm lành hiện tại.

Kham nghe Thánh ý, ngài Kinh Khê nói: Nên biết, do hiện điềm lành làm động đến cơ duyên muôn vật, nên có tên Phát khởi là thế. Cũng như việc bác Tiểu chê Đại ở khi xưa, tuy không phải có hiện tướng điềm lành nhưng cũng biểu thị cho kinh này. Có điềm lành rực rỡ giúp thành việc hiện nay. Nghĩa có chánh phụ, lý hợp trước bày. Không ủng không trệ, ngài Kinh Khê nói: Trệ là cách ngăn nội pháp, ủng là ngăn lấp ngoại sự, thông suốt đến các đời tượng, mặt đều được thấm đượm.

Cho nên không ngăn lấp, đều là nhờ sức Như Lai. Nói chánh tượng là sau khi chư Phật diệt độ thì pháp có ba thời kỳ. Nay Đức Thích-ca có chánh pháp và Tượng pháp mỗi thời một ngàn năm, còn thời mạt pháp là một vạn năm. Lý, giáo, hạnh, quả bốn thứ đều đầy đủ như lúc Phật còn tại thế nên gọi là chánh pháp. Tuy có ba thứ trên nhưng hoàn toàn không có người chứng quả nên gọi là tượng pháp. Tượng là giống, tương tự. Vì giống chánh pháp nên việc tu hành hiếm ít, nhưng giáo lý vẫn còn nguyên. Pháp đã kém rốt nên gọi là mạt pháp. Tư trạch là thấm đượm.

“Từ nay khai ...”, nay riêng căn cứ văn này phân ra chương tiết, có chánh phân ba đoạn, tức là “từ hồi ...” xuống là căn cứ tên mà giải thích mọi trở ngại.

Ý hỏi, là hướng về nói rằng: Mười một phẩm đều nói cõi Phật nhân quả là chánh thuyết.

Ý đáp, do Phật ấn định mới được thành kinh. Tuy tên gọi Duy-ma nhưng nghĩa quy về cõi Phật. Dùng làm chánh thuyết mà được diệu chỉ của kinh.

Trong phần đáp có hợp dụ về pháp. Bồ chánh “khấp chánh), thì Hoàng Chúc có nói: Chánh là pháp chế “luật pháp). Trịnh Huyền chú giải Chu Lễ nói: Chánh là sửa đúng những việc chưa đúng, mà đại thần được thưởng, Thượng Thư nói: “Dùng quan khuyến gắng đức, dùng thưởng khuyến gắng công lao”. Chú giải rằng: “Gắng là khuyến gắng tức khuyến gắng đức thì dùng chức quan, khuyến gắng công thì dùng

tặng thưởng”.

“Tịnh Danh... phương” là chánh, Kinh Khê nói: Pháp có thể ấn định thì thành chánh kinh, người đầu thể ấn định thành Hóa chủ.

Căn cứ ở quán tâm, là nếu không tự quán tâm thì như người nghèo đếm của báu. Giải thoát của chư Phật tìm từ tâm hạnh, nên nương nhờ pháp tướng để thành diệu quán. Trong văn dựa vào thứ lớp ba quán để nói ba phần. Tuy nói có thứ lớp nhưng ý đều quy về nhất tâm.

Tâm tâm vắng lặng, Kinh Khê nói từ tên mà nương nghĩa gần để lưu thông. Quán môn cũng thế, cho nên giải thích này có ba thứ khác với các nhà có sáu thứ.

1. Khác với ngài La-thập và các Thiền sư. Biết văn bắt đầu và kết thúc, ngài Kinh Khê nói: Chương trước chương sau là ý như văn đã phân; hai là Tựa; ba là Chánh thuyết. Trong Chánh thuyết có ở ngoài thất, ở trong thất và ra thất. Trong phần ra thất lại phân không, giả, trung...

2. Khác với Triệu sư. Nghĩa không phải thế. Ở phẩm Pháp Cúng Dưỡng thì Thiên đế khen ngợi việc hoằng kinh. Phật nói Pháp cúng dưỡng là bậc nhất, thì phần lưu thông không liên quan gì đến chánh thuyết.

3. Khác với Linh vị, có hỏi và đáp, lại có tổng chê, “Hà giả... ...” là chánh phá đạo vương.

Được lợi lớn nhỏ là khi hiện tịnh độ thì năm trăm vị được nhần và tám ngàn vị phát tâm được lợi ích lớn. Khi cõi hiện lại uest thì trời người được pháp Nhãn tịnh, Tỳ-kheo hết lậu, ý giải là được lợi nhỏ. Đương cơ biên đạo là lợi ích. Như đây vì sao lại bác bỏ nói là không chánh thuyết. Nên nói đầu phải bác phá làm tựa. Lại “từ Tịnh... Phật giáo” là nếu không có Phật ấn khả thì không được tên kinh. Cho nên biết ngài Tịnh Danh giúp Phật hoằng hóa.

“Há có thể... ...” là kết trách.

4. Khác với chùa Khai thiện “Trí Tạng). Ông ấy dùng tựa, chánh thuyết và lưu thông tên ba phần ấy lại thêm chứng thành để làm phần thứ tư nên không thông dụng. Nếu thế ngài Chương An phân kinh Niết-bàn làm năm đoạn thì cũng không phải. Song phân chương tiết văn kinh quý ở chỗ hiển sáng nghĩa lý. Kinh này phân làm ba, nghĩa đã sáng thì cần gì phải là bốn. Còn ý chỉ kinh Niết-bàn nếu không năm thì không sáng, hướng lại lập riêng danh tướng. Không phải đồng với Khai Thiện thêm đủ ba phần coi đó là bốn. Như nói một khi triệu thỉnh chúng Niết-bàn cho đến lần thứ năm phá nhiếp dụng, Niết-bàn...

5- Khác với các sư Trang nghiêm. Có hỏi và đáp, tức nói đến phần tựa quấy và “lại dùng... ..” là nói phần lưu thông quấy.

Lại đối ngài Tịnh Danh... đến nhân quả, tức là phẩm A-súc, trở về Tông mà nói cõi Phật nhân quả.

Tóm tắt kinh trước sau, thì cõi Phật là trước, A-súc là sau, mà đều nói về y báo. Tông chỉ như đây há là lưu thông.

Qua phần trong thất, thì ở phẩm A-súc khi hiện nước Diệu hỷ, có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề. Phần trong thất, ở phẩm chẳng nghĩ bàn, khi ngài Ca-diếp buồn than chỉ có ba mươi hai ngàn Thiên tử phát tâm. Ở cuối phẩm Thăm Bệnh chỉ có tám ngàn người.

6- Khác với các Sư Đại thừa ở phương Bắc, việc phương hại đồng như trước, dưới trừ ba chữ phẩm Phật Quốc.

Luận về nghĩa cõi Phật, có nói ý khai chương, cũng có bày ý và giải thích... phải nói là giải thích nghĩa cõi Phật. Chữ “phẩm” ở đây e là lầm. Thỉnh hỏi nhân quả cõi Phật, ngài Kinh Khê nói: “Nguyện được nghe cõi Phật thanh tịnh là hỏi quả, rất mong nói cho hạnh tịnh độ là hỏi nhân.

“Kinh này... ..” là cần nói cho biết, nên dùng tám lớp giải thích.

“Nay lược... ..” là khai chương: Có nói chung về cõi Phật. Ngài Kinh Khê nói: “Nói chung, là chưa phân bốn lần.” Trong văn đối với kinh khác nói ý là kinh Phổ Tập. Chính vì kinh này làm tựa. Không tan hội ấy mà nói kinh này. Đó cũng như kinh Vô Lượng Nghĩa làm tựa cho Pháp hoa. Đó là khai mà làm hợp tựa, đây là chánh báo làm tựa cho y báo. Tuy lúc đó bộ có ý khác, nhưng tựa là nghĩa của chánh thuyết. “Song kinh Phổ Tập...” tuy không có cõi Phật nhưng văn ấy thật đã đầy đủ, vì nghĩa nó dùng tương y chánh theo nhau. Việc kinh này nói chỉ là lớp nêu rõ nghĩa trước, không phải là cho kinh trước chỉ có chánh báo. Ngài Kinh Khê nói: Văn tuy chưa có nhưng nghĩa đã đầy đủ, nay chỉ trình bày lại ý chỉ ấy mà thôi.

Cần nói rộng y báo. Nay kinh này chính là nói quả của y báo, phụ luận chánh báo, bỏ phụ lấy chánh, nên nói y báo mà thôi. Còn văn sau các phẩm nói chánh báo không phải một.

“Ngôn Phật... ..” là dựa vào tên phẩm mà chánh giải thích: Dựa vào tên giải thích nghĩa, lại có ước danh nghĩa chánh giải thích: Chánh giải thích cõi Phật.

Nói tên khác. Cũng gọi là Sát. Nói đủ là Sát-na, Hán dịch là độ (cõi nước). Đã nói muôn cảnh không đồng, bởi lấy Trang nghiêm khác nhau mà gọi là Sát.

“Nhiên Quốc... ..” là chia sự lý mà giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Cõi Thường tịch thuộc lý còn ba cõi kia thuộc sự. Sự tức ứng thân..., là báo tha thọ dụng và Thắng liệt ứng đều gọi là ứng. Vức “cõi) tức là ba cõi Cực trí tức báo tự thọ dụng, chỗ chiếu tức Tịch quang rất ráo.

“Nhi chí... ..” là cùng giải thích hai thứ có ước vào sự lý mà cùng giải thích. “Chí lý rất trống vắng..., ngài Kinh Khê nói: Nói có nguyên do của sự. Song lý vốn tuyệt đối đãi há phân biệt hai thứ khác nhau mà nói có sự lý, thì đã thuộc sự rồi.

“Bốn vô ...”, Vốn “không” có dưới chẳng phải là lý trên, há lại có dưới chẳng phải là sự trên. Năng tức ứng thân hay ở, sở tức cõi tạm ở, sự lý đều không, thường ngậm tuyệt đối đãi.

“Đản dĩ... ..” tức lý tuyệt đối đãi thành sự tướng có đối đãi, cho nên ba thân bốn cõi khác nhau. Chân thân thì ở tịch lý, ứng thân thì ở sự độ.

“Nhiên... ..” nói lý sự liên quan nhau, đây nói bốn tích bởi chỉ thể và dụng.

“Cố văn ...” là dẫn chứng. Về dẫn kinh: “Tắc ứng ...” là giải thích nghĩa: Luôn vắng lặng như hư không thì bốn cõi cũng không có được, mà hiện ra các thứ bốn cõi cho rõ ràng nên phải đồng phạm Thánh mà hiện thân, hiện có bờ cõi ranh giới là hiện độ “cõi).

“Phàm Thánh... ..” là nói chỗ hiện hai báo khác nhau. Việc hiện tịnh uế cũng như thế. Như thị tức là theo lệ Phàm Thánh thì có cao thấp. Năm trước nhẹ nặng đồng cư tịnh uế, thể tích khéo vụng là hữu dư tịnh uế, thứ lớp đốn nhập là Thật báo tịnh uế, phần chứng rất ráo là Tịch quang tịnh uế. Hiện thân mười giới gọi là khởi ứng chúng sinh. Bày bốn cõi nước gọi là cõi khởi ứng.

Hoặc có ...”: Bày phá chấp người khác, tức nói người khác chấp nghiêng lệch, mỗi người đều căn cứ vào một văn mà khởi chấp nhất định đâu biết rằng diệu lý bốn tánh vốn “không”. Hiện sinh ở đây như nói cõi nước là dân có vua ở đấy. Cõi nước do Phật có, như nói nước là vua có dân ở đấy.

Ước bốn tánh chê phá, tức là bốn chấp đều quấy. Chúng sinh đối Phật, là hợp hai chấp trước. Không nhân mà có cõi, ngài Kinh Khê nói chấp tuy tánh lỗi vốn là lý. Độ sinh Phật lý cụ, Phàm Thánh nhất như chấp, là thành lỗi cho cõi, thể nào có lỗi. Nếu chấp thành lỗi thì tánh chấp cần phá. Tánh phá vẫn là từ sự mà nói. Phá ba thứ có thể thấy không cần luận riêng. Từ sự, nếu nói một mực không có tự tha “mình người) nên khiến chỗ chấp thành lỗi không nhân, đều là nghĩa tùy tánh,

tức hai thầy có chấp đã thuộc tự tha, hoặc chấp cùng lia há sinh ra tánh chấp, nên nói đều đọa, giống như trước. Phá hết bốn tánh đã nói ở huyền nghĩa.

“Phải biết... ..” là tùy cơ mà nói. Có Tất-đàn phó cơ...” tức là muốn khiến vui mừng sinh thiện phá ác mà ngộ đọa nên nêu tự tha, tịnh uế mà nói. Tất là nói khắp; Đàn dịch là thí, cho. Dùng bốn thứ này khắp thí cho chúng sinh gọi là bốn Tất-đàn. Rõ ràng như huyền nghĩa.

Riêng nói Phật quốc bốn tướng đã phân, nên nói riêng: Nêu chương luận bày, tức chỉ rộng nên chương tức Nhân-đà-la võng... như kinh Hoa Nghiêm nói các lưới Đế Thích lồng chiếu vào nhau rức rở. Đây là dụ cõi ấy sắc tâm không ngại, các cõi nhiếp nhau. Nhân-đà-la, Hán dịch là Đế, trong cung Đế Thích có thứ lưới này, mỗi mỗi mắt lưới đều có châu. Kinh Khê nói: Tứ Nhân-đà-la, thì một độ nhiếp tất cả độ, nên có được cõi này khắp nhiếp hai cõi dưới, duy không thể nhiếp được phẩm Tịch quang thượng. Nghĩa này đã thông, lý nào có khác, chuẩn theo đây mà nói trên hay nhiếp dưới thì cõi Hữu dư cũng nhiếp được cõi Đồng cư. Thể của hoặc nội ngoại, tướng nó khác nhau. Cho nên kẻ đoạn hoặc nội giới cùng kẻ chưa đoạn báo nó không giống nhau. Biệt Viên hai người ấy từ Địa trụ trở về trước quán đọa chưa thông vẫn chưa thấy lý. Cho nên luận tướng báo đó có hơn kém còn khác nhau, hai thứ trước sau ước vào thân mà luận bày. Cũng ứng cũng báo, Tiêm sư nói đó là Thắng ứng, nên cũng gọi là ứng, tha thọ dụng nên cũng gọi là báo. Đây là Bồ-tát Địa thượng hiện ra. Chỗ ở của Pháp thân vì là báo tự thọ dụng nên cũng thuộc Pháp thân. Quán Kinh Số có nói: Trí đã ngậm ứng không phải thân cũng không phải thân.

“Nói nhiếp... ..” là y chương chánh giải thích, có giải thích riêng các cõi có Đồng cư độ. Bàn về luận tướng có uế độ, tức giải thích tên. Nói về nhiếp tịnh là nêu chung. Cõi này tức là nhiếp tịnh uế độ. Còn An dưỡng là nhiếp tịnh tịnh độ. Về chín đọa, thì Tiêm sư nói chỉ là chín cõi, Phật là Hóa Chủ nên nói là chín.

Đến nhiếp... ..”: Là bày tướng. Phạm Thánh mỗi thứ có hai. Phạm tức sáu đọa, Thánh có ba thừa. Mỗi cái có hai là phạm thì khai thiện ác, Thánh thì khai quyền thật như trong văn đã nói. Từ “Thánh giả... ..”: Là bốn quả là chỉ thẳng La-hán, tức Thanh văn pháp giới, Duyên giác khác biệt. Từ Thông giáo ...”: Là Bồ-tát pháp giới. Bồ-tát ba giáo này đều chỉ ngôi vị đã dứt tư hoặc, cùng La-hán ngang nhau. Báo thân còn ở đó, là tử phước đã hết nhưng quả phước cũng còn.

“Ba thừa... tánh thân, tức ba người trên bỏ báo thân sinh của cõi



Hữu dư.

Nguyện sinh cõi Đồng cư, là hàng Nhị thừa đến đó sẽ chuyển làm Bồ-tát, nên hay nguyện sinh.

“Nếu thật... ..” là Địa trụ của Biệt, Viên giáo trở lên, thì gọi là Pháp thân Bồ-tát, đều sinh cõi Thật báo. Bạc Diệu giác cực quả thì ở cõi Tịch quang. Đây là ước cõi Tịch quang rất ráo.

Ứng sinh cõi Đồng cư, là như mặt trăng hiện trong nước không mờ tính mà đến cho nên gọi là Ứng sinh, không giống do nguyện kép đất tác ý mà sinh.

“Là Đẳng... ..” là kết danh.

Minh... ..” là tịnh độ: Là chỉ cõi An dưỡng, chánh giải thích, chưa ắt đều là người được đạo, nghĩa không phải chỉ có Thánh nhân ba thừa được sinh, mà phàm phu cũng được sinh, nên nói là chưa ắt.. “cho nên kinh ...” là dẫn kinh Vô Lượng Thọ ở văn Hạ phẩm làm chứng là phàm phu được sinh. Chỉ vì... ..” là kết danh: Chỉ không có bốn ác trọng nhiễm, nên được tên tịnh. Kỳ thật cũng có hàng trời người khinh nhiễm nên gọi là Nhiễm tịnh tịnh độ. Lại có thể gọi tên nhiễm tịnh ước chánh báo, tên tịnh ước y báo. Hai độ phàm Thánh cùng ở chung, gọi là nhiễm tịnh. Cõi này cát đá đầy dẫy nên riêng chịu tên uế, cõi kia vàng ngọc trang nghiêm nên riêng nhận tên tịnh. Đây tuy không nói, các văn khác đều nói.

“Nêu đây ...” là nói gồm nhiếp nhiều loại. Văn sau nói: Có người nói: Kinh nói hai mươi bảy phẩm tịnh độ, cõi Vô lượng thọ chỉ là thứ sáu. Từ “Pháp hoa... ..” tức ngài Thân Tử... ở vị lai thành Phật đều chỉ cõi Đồng cư.

“Hỏi... ..” là liệu giản, tức chọn kinh giáo làm chứng. Luận Tư Ích thì Tiêm sư nói chữ luận e đây sai lầm. Kinh Tư Ích Đệ Nhất có nói. Ở Đông phương có nước tên là Thanh khiết, Phật hiệu Nhật Nguyệt Quang, có Bồ-tát Phạm Thiên tên là Tư Ích trụ bậc không thoái chuyển, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con muốn đến thế giới Ta-bà, nơi ở của Phật Thích-ca Mâu-ni viếng thăm cúng dường gần gũi học hỏi.” Đức Phật bảo: “Nay chính là lúc ông có thể đến đó ông nên dùng mười pháp đạo đến cõi ấy. Những gì là mười?”

1. Đối với chê, khen tâm không tăng, giảm.
2. Nghe thiện, nghe ác tâm không phân biệt.
3. Đối với người trí kẻ ngu luôn dùng tâm Bi.
4. Đối với các chúng sinh thượng, trung, hạ tâm luôn bình đẳng.
5. Đối với kẻ khinh chê, cúng dường tâm luôn không hai.

6. Đối với việc người khác thiếu sót lỗi lầm luôn không thấy lỗi người ấy.

7. Thấy các thừa đều là Nhất thừa.

8. Nghe ba đường ác cũng không kinh sợ.

9. Đối các Bồ-tát tưởng là Như Lai.

10. Phật ra đời ở năm uest trước nghĩ là việc hiếm có.

Phạm thiên hãy dùng mười pháp này mà đạo đến thế giới đó.”

Khi đó Bồ-tát bạch Phật rằng: “Con được lợi lớn là không sinh làm các chúng sinh ác như thế.” Phật bảo: “Này thiện nam! Chớ nên nói như thế. Vì sao? Vì ở trong cõi nước này trăm ngàn kiếp tịnh tu Phạm hạnh không bằng ở cõi ấy từ sáng đến giờ cơm trưa, mà tâm không sân ngại thì có phước hơn nhiều.”

Chọn tu nhân tịnh độ:

Hỏi: Do uest mà rất sai khác, ngài Kinh Khê nói: Nhân ấy đã đồng, nên quả ấy không khác. Như uest độ mà nhân thiện, thì quả là báo trời người. Trong các tịnh độ cũng có mười điều thiện, vì sao báo ấy cùng cõi này trái hẳn?

Đáp ý: Ngài Kinh Khê nói: Tên đồng; sự đồng mà giải khác, nguyện khác, nhưng chỉ thiện là một. Đối với chỉ thiện thì càng gia tu nguyện hạnh, nên khiến các cõi nước bậc cao thấp không đồng, trời người tên đồng, tùy độ mà nghĩa khác. Nói hai xứ là lại lấy tịnh uest đối nhau mà luận.

Cõi Hữu dư: Nói về luận tướng: Trong văn trước giải nghĩa hữu dư, sau đó giải nghĩa phương tiện, thông hoặc tuy đã trừ nhưng biệt hoặc hãy còn, nên gọi là Hữu dư.

Bảy thứ sinh tử:

1. Phần đoạn, nghĩa là quả báo ở ba cõi.

2. Lưu lại, tức lúc đầu mê chân.

3. Phản xuất, tức lúc đầu tiên bối vọng.

4. Phương tiện, tức là vào diệt của Nhị thừa.

5. Nhân duyên, tức Sơ địa trở lên.

6. Hữu hậu, tức là Địa thứ mười.

7. Vô hậu, tức là tâm kim cang.

Xét chọn báo ba cõi: Về giải thích nghĩa tức giải thích quả báo. Tức là Hoa tạng, tức là Hoa nghiêm. Nói về Liên hoa tạng thế giới hải, tức tướng cõi này.

Nhuận thắm nghiệp vô lậu, tức là phần chứng Trung trí, không rơi rớt vào hai biên, gọi là nghiệp vô lậu.

“Dùng quán... ..” gồm luận về tên khác có chánh chỉ tên khác. Vì cõi quả báo cũng gọi là Thật báo vô chướng ngại, nên đây giải thích, nên biết. Tên này từ nhân quả mà được tên. Trong văn trước giải thích Thật báo, kể giải thích vô chướng ngại. Chữ thật là ở nhân, chữ báo là ở quả. Vì quán thật tướng, đây nói danh tự quán hành tương tự vị đều là viên nhân. Đây là giải thích chữ thật.

“Phát chân ...”: Sơ trụ phần chứng gọi là viên quả, đây là giải thích chữ báo. Từ “sắc tâm ...” là giải thích nghĩa vô chướng ngại, nghĩa là Tu nhân vô ngại thì được quả vô ngại, nhân quả đều không chướng ngại. Tu nhân vô định thì thấu suốt sắc do tâm tạo, toàn sắc là tâm, tâm tánh dung thông. Toàn tâm là sắc, sắc tâm không hai, thì do đâu mà chấp nhất định. Đây là nhân khác quả mà có thể sắc tâm vô ngại, y báo và chánh báo dung nhau. Ngài Kinh Khê nói: Vì khi tu nhân thì cảnh tịnh uế dung nhau không thể dùng một tên khác, nên nói là vô định “không nhất định).

“Nói vô... ..” là rộng giải thích vô ngại: Trước giải thích nghĩa vô ngại. “Thử danh... ..” biến lấy to rộng làm nghĩa, tạng lấy bao gồm làm tên, hai thứ đều khắp, nên nói là như biển, lớp lớp vô tận nên gọi là tạng.

“Biệt địa... ..” nói về người có khả năng nhập: Trước là nói rộng về Biệt địa, tiếp đến là lược nêu Viên trụ, chỗ chứng ngang nhau cần phải song hành. Về Biệt địa có bảy, đều gọi là tịnh, là vì thể tướng dụng nhân quả đều lìa vô minh hoặc nhiễm. Ngài Kinh Khê nói: Sơ địa... có bảy tịnh, đây là nghĩa của các nhà hiện có: Một là, đồng thể, tức mười phương đồng thể và bốn cõi đồng thể. Độ này tức mười phương, nên nói một tức tất cả. Mười phương độ này, nên nói tất cả tức một. Lại một tức tất cả, là một độ tức ba cõi. Tất cả tức một, là ba cõi tức một độ. Cho nên do đó mà y chánh cùng ở một tâm, một tâm há phân năng sở, cho nên được rộng hẹp cùng khắp, lý sự dung nhau. Nên biết thể gồm y chánh và cả tự tha. Từ thứ hai đến thứ năm lại riêng nói. Tiền ngữ.....” là tóm tắt bảy tịnh trước để làm ba pháp là thể, nhân, quả. Trong thể phân nhỏ thì có tướng, dụng khác nhau. Ngài Kinh Khê nói: Năm thứ trước thể đầy đủ là thể ở độ đầu tiên, nên từ một đến bốn đều thành tự thể. Đây chỉ thành tự chánh báo mà thôi. Cho nên cần chỗ ở của y báo thứ năm. y chánh đầy đủ, nên gọi là thể đầy đủ. Lại do bốn thứ trước trang nghiêm ở thể, nên khiến thể thứ nhất có tướng có dụng. Ba và năm thuộc tướng là ba tướng chánh báo, năm tướng y báo. Hai và bốn thuộc dụng là hai dụng lợi tha, bốn dụng tự lợi. Nếu thể thì tướng dụng

phải thứ lớp, sao lại xen tạp?

Đáp: Y chánh tuy lại đều thông, tự tha một mực theo phương tiện cho nên riêng đối nhau. Sáu và bảy tuy nói là nhân tròn quả đủ đã cho Sơ địa đủ cả bảy tịnh, lại là Sơ địa đối với Địa trước, để lập nhân quả, tức nhân tròn này gọi là quả đủ.

“Sơ trụ... ..” là lược nêu Viên trụ. Từ hỏi ...” là y cứ vào giáo mượn Biệt mà gọi Viên, nên nói là Tam hiền. Nếu căn cứ Viên vị thì kỳ thật sơ trụ đã là Thánh vị.

Tịch quang: Nếu giải nghĩa thì chỉ rõ danh nghĩa Tịch quang, lại có chỉ quả mà lược bày...

Cực trí chiếu soi, là ba phẩm Tịch Quang đều gọi là Thượng phẩm, còn Trung hạ Tịch quang thì thuộc ở quả báo. Chọn Tiểu nói rõ tức là trí tánh chân tịch. Ngài Kinh Khê nói: “Trí là hay soi chiếu, lấy năng giải thích sở, ý muốn hiển bày đồng.

Kế tiếp “Bất đồng... ..” là nói về khác thể. Vì cảnh khác trí nên nói thiên chân, dẫn kinh Niết-bàn cũng chứng đồng trí.

Kế tiếp “kinh này... ..” nói nguyên do chứng đồng, chỉ tánh vô minh mà làm thể của trí. Trí này là cảnh, đây là thể mới đồng. Vì tánh vô minh cũng là tánh cảnh, cho nên từ chẳng nghĩ bàn ...” là kết thành tên cảnh. Vì những giải thích vừa rồi đều thông trí cảnh, nên nay kết cảnh còn từ nơi cảnh.

“Chỉ chân... ..” là hiển bày y chánh không hai. Ngài Kinh Khê nói: Xét kỹ ý này đến các văn sau và dùng giáo môn để nói nghĩa độ, đều dùng ý này mà trình bày lý đó mới hết. Nay bảo: Đã nói rằng lìa thân không có độ, khi thân thành Phật thì độ há không thành? Đã nói rằng lìa độ không có thân thì nói độ thành Phật đâu có gì trái nhau? Nhất tâm đầy đủ suy lường sâu sắc, không quá vọng tình mà cưỡng phân các thứ khác nhau.

“Kim cang... ..” là dẫn chứng. Tiêm sư nói: Thiên Thân luận, quyển thượng có kệ: “Trí tập duy thức thông... ..”. Ngài Thiên Thân giải thích rằng: Đây là nói chân độ, chư Phật không có việc cõi Trang nghiêm, chư Phật chỉ có trí tuệ chân thật. Tập thức thông suốt, đó là tu tập trí vô phân biệt. Vì thông suốt tánh Duy thức chân thật. Như thế mà lấy tịnh độ tức tu tập Duy thức thông này. Hàng Bồ-tát bèn lấy được quả tịnh độ. Không phải hình đệ nhất thể, câu này là nói thể của tịnh độ: Không tự sinh diệt là hình của tịnh độ, bèn dùng chân thật Đệ nhất nghĩa lý làm thể cho tịnh độ.

Không phải trang nghiêm mà trang nghiêm là luận về hai thứ

trang nghiêm. Một là, hình tướng độ, tức là tịnh độ chim, cây rừng... là sự Trang nghiêm; hai là, pháp tánh độ tức là chứng chánh trí, khế hợp chân như vô lậu công đức, không có hình tướng là trang nghiêm. Nay lại giúp giải thích không phải là sự trang nghiêm mà là lý trang nghiêm, cho nên nói không phải trang nghiêm mà trang nghiêm.

“Vấn xuất... ..” là bằng vào giáo. Rốt ráo của tâm tịnh, là tâm tịnh dựa vào tu chung ở năm tức, rốt ráo tột cùng.

“Hỏi kinh... ..” là đặt câu hỏi chọn chung có dựa vào giáo này nói đầy đủ có hỏi và đáp. Trước hết là các giáo bài xích chung. Kế “chánh như... ..” là ước nghĩa đầy đủ của kinh này. Từ “vấn nói ...” bốn câu kinh văn thứ lớp đối bốn cõi. Câu đầu tức cõi Đồng cư, là nội giới cụ phược “phàm phu” chưa thấy chân lý, tâm thần tán động, thiện ác không chừng. Bồ-tát phương tiện quán xét nó là sinh hay thực, nếu sinh thì dùng ược nếu thực thì dùng tịnh. Câu kế tức cõi Hữu dư, Nhị thừa hai giáo, Bồ-tát ba giáo, nội giới hoặc dứt đều gọi là điều phục. Đã ra khỏi ba cõi tức phải có độ, nên gọi là hữu dư. Câu ba tức cõi quả Báo sơ trụ trở lên phá các hoặc vô minh, phần chứng được Trung trí gọi là nhập Phật tuệ. Câu bốn tức cõi Tịch quang, tức ở căn trần đã thấu suốt ba đế, đầy đủ không giảm bớt, ở thường của Như Lai, thế nên khởi căn, tức Tịch quang độ. Rõ ràng và tương tự, là kinh có tên cõi gồm những người được hóa độ... tên tuy khác nhưng nghĩa đã ngầm phù hợp. Nay giải thích riêng, trong phần đầu của lời Sở sau lấy Đồng cư gọi chung bốn câu “bốn trường hợp). Kế dùng bốn câu suốt đối bốn cõi. Nay là ý kế.

Đối kinh khác mà luận nghĩa: Đối kinh Pháp hoa nói kinh này ngầm nhập, dựa vào hiển giáo mà đặt câu hỏi. Ngài Kinh Khê nói: Giải thích nghĩa trái kinh lý nó ở đâu. Theo giáo hiển lộ mà nói thì trước kinh Pháp hoa không nói có chỗ sinh của Nhị thừa.

Ngầm hiểu mà đáp giải thích: Nói ngầm ngộ cõi được sinh. Phật dùng một âm..., ngài Kinh Khê nói: Nên dựa vào Mật giáo một âm hiểu khác, tức chung cả hiển bí hai thứ bất định. Giải ngang, như trước đã dẫn văn kinh Pháp hoa, chỉ có độ này mà thấy có hai. Cho nên Cơ Tiểu thừa thì bác bỏ cái thấy tịnh mà không kinh sợ, khi ấn chân xuống đất tức có việc này. Đối Đại dọc nói Tiểu, nhưng vẫn hiểu ngang. Chuẩn vào chánh lý không nghe là hơn.

“Ngang dọc ...” là nêu rõ Phật tự tại. Luận về dọc rõ thật như đã hỏi. Luận về ngang ngầm nhập để nói chỗ sinh của Nhị thừa. Dọc không ngại ngang, ngang không ngại dọc. Hiển mật lợi vật nên nói là vô ngại.

“Hỏi nếu... “ là đối kinh Hoa Nghiêm bày nghĩa bốn cõi đều gồm hai. Trước nói bốn nghĩa gồm thâu. Hỏi mười thứ Cõi Phật và đáp hai mươi bảy phẩm là dẫn thứ khác để giải mà không chỉ kinh. “Hỏi nếu... “ là nói đối giáo cần bốn thứ. Có hai là hỏi và đáp, tức là nói mười cõi.. hoàn toàn có kinh. Đối với bốn giáo không như bốn cõi nên bày ý khó thấy.

Thác là đặt bày. Nói muốn đối bốn giáo, là căn cứ vào văn chỉ quán mà dạy. Đối cõi có ngang có dọc. Đối ngang thì Đồng cư dùng Tạng giáo, Phương tiện dùng Thông giáo, Thật báo dùng Biệt giáo, Tịch quang dùng Viên giáo. Đối dọc thì Đồng cư dùng bốn, Phương tiện dùng ba, Thật báo dùng hai, Tịch quang dùng Viên giáo. Dọc thì căn cứ lập giáo đối cơ, cơ có tăng giảm không đồng, đến nỗi khiến giáo có sai khác. Bốn cõi (độ) đối giáo hơn kém nhiều ít, nên gọi là ngang.

Hỏi: Trong cõi Phương tiện đã không có thông hoặc, sao cần phải Thông giáo hai nghĩa ngang dọc đều gọi là dùng Thông?

Đáp: Đại thừa sơ môn phải điều phục cơ mà nhập Đốn là biết có học cũ không phải dùng đoạn hoặc. Như các Thanh văn đến hội Phương đẳng khắp chê trách xong, thì đều quen với thông môn. Nếu đến hội Phương đẳng thì ắt phải đến hội Pháp hoa. Ở cõi Phương tiện cần Thông giáo, đây là căn cứ ở người không nhập hội Phương đẳng.

Hỏi: Nếu thế, Thật báo cần gì phải dùng biệt?

Đáp: Căn cứ dạy đạo thì nói, chứng đạo ắt không.

Hỏi: Tịch quang đã cùng cực sao cần phải dùng giáo?

Đáp: Giáo khắp Trung hạ, không khắp rốt ráo. Sơ trụ trở lên gọi là hạ, Đẳng giác gọi là trung, diệu giác là thượng. Lại Thập địa gọi là hạ, Đẳng giác gọi là trung, diệu giác gọi là thượng. Đây đủ như văn sau.

Nói tu nhân cõi Phật: Y kinh tổng lập, tức nói về chỉ kinh. “Y nhân... ..” là chính nói y nhân.

Ngang ước mười bảy. Ngang tức là ngang trái các hạnh tu nhân có mười bảy pháp. Tức kinh nói: Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, cho đến thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát. Dọc căn cứ mười hai. Dọc nghĩa là từ cạn đến sâu. Dọc cùng nguồn tâm, mười ba phen giúp nhau thành nhân tịnh độ. Tức kinh nói: Tùy trực tâm của mình thì có thể phát hành. Cho đến tùy tâm ấy tịnh tức tất cả công đức tịnh. Mà thứ dọc ngang này, hai phen đều nói dựa vào chánh nhân để nói y nhân. Ngài Kinh Khê nói cho nên biết. Trực tâm cho đến thập thiện cũng gọi là chánh nhân, cũng gọi là y nhân. Y nhân hai thứ tự lợi lợi tha. Nay cái chánh báo này phải vì người khác mà nhận lấy độ, tự tha cùng thành nghĩa độ mới đầy đủ.

Tùy cơ riêng nói thời bất đồng mà thôi. Cho nên lợi vật y nhân do có thêm nguyện riêng. Cho nên Bồ-tát làm một nhân có hai hướng: Trên là cầu vì mình, dưới hóa độ thành tựu người khác. Trong phần hạ hóa, phân thành hai thứ y chánh khác nhau. Tự hành và lợi vật.

“Nước đã ...” là căn cứ cõi mà nêu riêng: Tức nêu được quả lược nói. Quả tức là bốn cõi nhận được. Bốn giáo tất cả với bốn cõi. Ngài Kinh Khê nói nên biết, tự hành y cùng chánh, một nhân thành hai. Nên nói chánh nhân cảm được bốn quả Phật, y nhân lại cảm được bốn cõi. Sở dĩ nhân ấy không khác, mà nghĩa lại khác cho nên khiến Tịch quang Pháp thân khác mà thường một.

“Tử tế ...” một là dùng bốn giáo đối bốn cõi như trước mà nói. Hai là hỏi cặn kẽ nên có chút ngại. Vì cõi Đồng cư mà dùng bốn, cõi Phương tiện thì dùng ba, cõi Quả báo thì dùng hai, đây là chút ngại vậy. Tử tế “kỹ càng tỉ mỉ) tức là hai lần. Kinh Khê nói có chút ngại là nếu nhân bốn giáo đối với bốn cõi, tuy có nghĩa này nhưng đâu không khác chút ít. Vì sao, vì Tạng, Thông đối cõi Đồng cư tịnh uế, Biệt đối với cõi Hữu dư. Nếu ở trong cõi mà luận giáo nhiều ít thì không tiện. Cho nên lại đối độ mà dùng giáo thêm bớt luận tường tận đó. Nay bảo rằng nếu chuẩn theo chỉ quán tức là lấy cõi Đồng cư đối Tạng, cõi Hữu dư đối Thông đã như trước ghi. Ngài Kinh Khê dùng Tạng, Thông mà đối cõi Đồng cư, Biệt đối cõi Hữu dư. Hơn nữa, thuận với văn sau lại dùng giáo thêm bớt để nói. Cho nên văn sau nói cõi Hữu dư thành Phật, cho đến nói tu nhân hai giáo Biệt Viên. Đã không nói thông, nên dùng Biệt giáo đối cõi Hữu dư.

“Nay lại ...” là đối với cõi mà rộng giải thích: Duyên tập nội giới tức là kiến tư. Chúng sinh Biệt Viên sinh đến cõi nước ấy, ngài Kinh Khê nói: Cõi Hữu dư kia khi dùng giáo thì nói là Biệt Viên mà thôi. Nếu đến cõi Thật báo thì mất tên Biệt giáo. Chỉ một viên thường để gọi cõi ấy.

“Mười phương ...” là kết bày ý hóa tha. Trống vắng như hư không, là không còn chúng sinh bảy phương tiện khác nhau, không thấy cõi nước có tịnh uế khác nhau, nên nói không có thêm bớt.

“Tận vị ...”, ngài Kinh Khê nói: Dẫn phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp hoa là dẫn ở thật quả để chứng quyền quả. Do đó, quá khứ nếu thường thì vị lai tất thường, như từ bốn quả để thù tích, bày hạnh tịnh độ để nhận lấy chúng sinh.

Thấy cõi nước không đồng, tức dẫn kinh tổng nêu: Cõi Tịch quang như bát báu, sắc cơm như ba cõi, do phước không đồng nên thấy sắc

cơm khác nhau, do cơ không đồng nên thấy ba cõi có khác nhau.

“Chí luận ...” là tổng nêu ý ấy. Ngài Kinh Khê nói là có thể thấy, là vẫn dùng ba cõi từ Tịch quang mà luận. Cõi Tịch quang không có tướng nên cả ba cõi đều mất. Do không thể thấy nên được có thấy. Mười phen: Một là, cõi nước Đồng cư nặng nhẹ; hai là, ước Đồng cư đối hữu dư. Cho đến thứ mười là các cõi không phải cấu, Tịch quang không phải tịnh. Văn sau nói đầy đủ, đây không luận kỹ.

Nêu cú riêng nói: Nêu cú chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Trong đây hỏi đáp gồm có ba lớp bốn câu phân biệt. Đã nói không thể thấy mà được thấy. Tức là Tịch quang đối với ba cõi. Trước lấy cõi Hữu dư gồm nhiếp hai cõi Đồng cư. Đối hai cõi Đồng cư mà lập bốn câu. Vì hai độ này đều có thật chất mà luận dị đồng, cho nên được dựa vào chất để luận có không. Kế lấy cõi Thật báo đối hai cõi dưới mà lập bốn câu. Vì trong Thật báo, sắc không có chướng ngại. Đối hai cõi dưới có chất ngại mà luận khác. Cuối cùng là lấy Tịch quang đối ba cõi dưới để lập bốn câu. Vì trong Tịch quang sắc chất vắng bật, nên lấy tướng hữu vô đối luận bốn cõi.

Thế nên, luận phần tứ cú thứ hai, dựa vào có sắc chất mà luận chướng và không chướng. Trong phần bốn câu đầu, lại ước chướng để luận bốn cõi khác nhau. Nếu thế, cũng nên ở phần bốn câu đầu, lấy cái trước mà lập bốn câu: Chất tịnh và thấy ược như ngài Thân Tử..., chất tịnh thấy tịnh như người ở An dưỡng. Chất ược mà thấy tịnh như Đại phạm vương, Chất ược thấy ược như người ở năm trước. Tức hai tướng Đồng cư sánh nhau.

Trong văn, có dựa vào cõi Hữu dư đối Đồng cư, tức chánh nói, ngài Kinh Khê nói: hỏi kinh nói là bỏ hỏi chung. Trước dẫn kinh để lập tông. Đây là kết việc hỏi ấy. Ý hỏi: Nguyên chỉ là một sắc cơm mà tự thấy có khác hay nguyên, có nhiều sắc mà thấy khác. Chuẩn theo văn đáp sau thì có bốn câu, đâu có chỉ một, hai cú mà thôi.

Bồ-tát Biệt Viên dùng Thiên nhãn mà thấy. Ngài Kinh Khê nói thấy cõi không nên dùng mắt khác, cho nên đây là mắt của bậc Hiền Nhị thừa. Đây là căn cứ thân này ở cõi này mà luận. Nếu ở phương tiện mà thấy hai Đồng cư hẳn nhiên không có chất khác.

“Một chất một thấy...” ngài Kinh Khê nói: Nói năm người cùng thấy hữu dư lại không khác, là trong năm người tuy gồm Biệt Viên. Lại căn cứ vào Nhị thừa của Tam tạng, Tam thừa của Thông giáo cùng thấy nên như thế. Đây là người Tam thừa của hai giáo cùng học giáo gần, cho nên đối cõi Hữu dư chỗ thấy chưa xa. Nhân tiện lấy hai cõi Đồng



cư cùng cỡi Hữu dư kia làm một thấy. Nếu đối cỡi ấy mà phát tâm Biệt Viên, liền đồng cái thấy của Biệt Viên. Nói ba thứ ý sinh, lấy ra từ bốn quyển kinh Lăng-già gọi chung là ý sinh. Nay Sơn Gia giải nghĩa: Do tác ý mà sinh nên gọi là ý sinh. Nên kinh Lăng-già nói: Do sức Như huyền Tam-muội nhớ lại bản nguyện nên sinh trong hàng các Thánh, nên biết. Kinh nói nhớ nhớ, tức là tác ý. Phần thứ tư kinh ấy giải thích có ba tên riêng. Một là, phẩm Thường Vô Thường nói: Ý sinh ba thứ là:

1. Nhập Tam-muội lạc ý thành thân, cũng nói là Chánh thọ, tức là Địa thứ ba, thứ tư, thứ năm, tâm vắng lặng không động.

2. Giác pháp tự tánh ý thành thân, tức trong hàng Địa thứ tám khắp nhập Phật sát, nên lấy pháp làm tự tánh.

3. Chủng loại câu sinh tác ý thành thân. Nghĩa là hiểu Phật chứng pháp mà thành, cùng sinh đều từ quả mà nói. Đây là ước Thông giáo và lấy Biệt giáo mà tiếp. Trong Pháp hoa Huyền đều nói ở ba giáo trước dùng chung các giáo mà giải thích nghĩa. Nay văn này trên nói La-hán, Bích-chi-phật, dưới nói ba thứ ý sinh, tức ba thứ này đều chỉ cho Bồ-tát Thông giáo, cho nên biết hàng Nhị thừa gồm hai giáo, còn Bồ-tát chỉ ở Thông, cộng làm ba thừa. Bồ-tát của tam tạng đã đồng nhân thiên không phải luận ở đây. Phụ hành có nói: Lăng-già đã nói Địa thứ tám là giác pháp tự tánh, nghiệm phần văn đầu tuy nói năm Địa cũng gồm cả bảy Địa, tức nhập không vị. Địa thứ tám tức sẽ nhập vào giả vị. Chủng loại câu sinh nói liễu Phật chứng pháp, tức là nhập trung, thuộc Phật chủng loại chưa phải là tự chứng. Nếu tiếp nhận vào Địa thứ bảy của Biệt giáo trở về trước sẽ nhập vào biệt Thập trụ. Địa thứ tám trở đi sẽ tiếp nhận vào thập hạnh. Biết Phật chứng pháp là nhập vào hồi hướng, đều không phải là chứng đạo nên gọi là ý sinh. Văn vốn là danh gồm không tiếp là cùng kết vị này, nên đều gọi là Địa.

“Hỏi ai ...” là giải thích trở ngại. Ngài Kinh Khê nói sao căn cứ hữu dư..., là một chất cùng một thấy đều nói là hữu dư. Nếu hai cỡi Đồng cư mỗi mỗi tự thấy cũng được gọi là một chất một thấy, hà tất cần phải ước vào hữu dư? Kế đáp trong đó ba người là sẽ biết. Trước giải thích ba thứ ý sinh trong cú thứ bốn. Cần chỉ rõ lợi độn Bồ-tát trong Thông giáo, nhưng không được chỉ người lợi căn thấy Trung, vì Bồ-tát này chỉ đoạn thông hoặc cùng đồng Nhị thừa, vì nó từ Thông giáo đến, thế nên đáp trung. Lại chỉ ba thừa đồng thấy Đệ nhất nghĩa đế. Những thứ này vốn khác, nay đều thành giống nhau. Nên lại nói nếu chỉ hai hạng người ở cỡi Đồng cư tự thấy độ mình, sao đến không được. Chỉ vì luận khác nên cần phải nói rõ điều này.

“Vô lậu... đồng nhau”, ngài Kinh Khê nói: Căn cứ vào tâm chưa phát Biệt Viên mà luận, thì chưa thấy Trung việc ấy cũng thế, cho nên ở Chân đế đồng một thấy.

Căn cứ cõi Thật báo đối hai cõi. Tức Nhân-đà-la Vãng, tức là cõi Thật báo.

Căn cứ cõi Tịch quang đối ba cõi, mỗi thứ đều có hỏi đáp, đều như văn.

Lược nêu ...” là kết rộng , nêu ra năm điều nói về vãng sinh có hai: Nêu chương và Tỳ giải thích.

Lại có phần tổng nêu, tức cũng nói là lai sinh “sinh đến) đây đủ như trong Đại phẩm. Tiêm sư nói: Trong quyển hai của Đại phẩm, ngài Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Đại Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật. Thường như thế mà rèn tập tương ứng thì từ nơi nào chết rồi sinh đến cõi này và từ cõi này chết rồi sinh đến cõi nào? Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Các Bồ-tát ấy hoặc từ các cõi Phật phương khác sinh đến cõi này, hoặc từ Đâu-suất sinh vào cõi này, hoặc từ cõi người sinh đến cõi này.

Từ “đây ...”, nay Sư giải thích hai tên. Đây nói là đến ở. Đại phẩm nói là sinh đến thì chỉ là đó đây đối nhau mà được tên. Hai cõi cũng thế, ngài Kinh Khê nói: Hai cõi Đồng cư đối nhau đã vậy thì cõi Hữu dư và Thật báo đối nhau cũng thế, chỉ ngang dọc khác nhau mà thôi, là hai cõi Đồng cư trông ngang hai cõi kia thì gọi là dọc. Nếu thế chỉ cõi Ta-bà mới có thể vãng sinh tịnh độ, sao lại từ tịnh độ chết rồi mà sinh về cõi này?

Đáp: Dưới Bát phẩm không thể sinh đến ở Thượng phẩm thượng sinh. Hoặc có thể hay đến cõi ấy rồi được chung nên đến. Kinh Pháp hoa nói: Người ấy tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh mà đến sinh sống vui vẻ trong cõi đầy oán hại này, chỉ có cõi Thường tịch quang thì lời văn không có nghĩa đến. Thượng phẩm như thế, thì nghĩa Trung hạ tất thông. Nếu Trung hạ không thì Thật báo cũng không, nếu không đứng trong Trung hạ thì cũng thuộc Thật báo. Lại như nghĩa Lập là không đến mà đến, ở Thượng phẩm cũng thông, đâu chỉ Trung hạ. Do lời thệ nguyện sinh mà có.

Nghĩa Như Lai tin cũng chẳng Không: Phần nêu, từ “nhiễm ...”, là giải thích cõi nhiễm tịnh, tức uế độ, lại có thật sinh chín phẩm nhuận sinh... là dục hoặc chín phẩm thì Thượng thượng nhuận hai đời, Thượng trung, Thượng hạ và Trung thượng mỗi thứ nhuận một đời, Trung trung, Trung hạ cùng nhuận một đời, ba phẩm Hạ cùng nhuận một đời. Cho nên Sơ quả đối với trời người cõi Dục đều thọ sinh bảy đời, nên nói là

thất phẩm “bảy lần trở lại). Quả thứ hai có ba phẩm, đoạn năm thì gọi Nhị hưởng, đoạn sáu là quả Nhất lai, ba phẩm dưới là nhuận một đời.

“Một lần vãng lai”, tức là một lần sinh lên trời, một lần đến cõi người, hay ngược lại cũng thế. Quả thứ ba gọi là bất lai, vì chín phẩm hoặc đã hết. Như đoạn đến tám phẩm còn lại một phẩm thì gọi là một chủng tử cũng còn sinh cõi Dục. Chung sáu Địa cùng đến sinh tức sáu Địa trở xuống thì các hoặc chưa hết, kiến Địa bảy lần trở lại là bạc Địa. Quả Nhất lai lia dục thì không trở lại hạ giới. Sinh lên hai cõi trên là Thập trụ của Biệt giáo, bậc Sơ trụ đoạn kiến, từ Nhị trụ đến Thất trụ thì đoạn hết tứ. Nay nói mười trụ là nói chung mà thôi. Luận về số sinh thì so trước liền biết. Năm phẩm kiến tứ còn đủ. Bạc thất tín mới ra khỏi ba cõi. Ba giáo ước hoặc dẫn thọ sinh đều đồng với tạng giáo. Cho nên nói đều cùng loại quả thứ ba, nên biết.

“Quyền sinh phương tiện nguyện sinh”, là chỉ có Bồ-tát, còn hàng Tiểu thừa được thọ ký, nghĩa cũng đồng. Sinh cõi phương tiện chưa phá vô minh mà muốn hóa độ chúng sinh, thì cần phải nhờ nguyện đất. Chưa thể tự tại, nên khiến ứng sinh chỉ ở hai cõi.

Người ở tịnh độ đến sinh cõi trời người, ngài Kinh Khê nói: “Cõi ấy có đủ chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc, chỉ không có ở đất của núi Tu-di, tất cả đều nương vào hư không mà ở”. Điều này ngài Kinh Khê nói là lấy ở kinh Vô Lượng Thọ.

“Về cõi Hữu dư”, nói về Thật sinh có: Chánh giải thích: Thập hạnh Biệt giáo, Tín và Hậu tâm Viên giáo, ngài Kinh Khê nói căn cứ theo lý Biệt giáo nên nói có trụ ở hưởng. Nay không nói, vì trụ đồng với Tạng, Thông. Nói bậc thứ năm tu trong thập hưởng tuy cũng đồng sinh ở cõi Hữu dư, nhưng không phải là chánh ý. Nên căn cứ vào thể mà nói là thập hạnh. Nhưng nói Viên tín lại nói Hậu tâm, là bậc thất tín trở lên cũng có thể được sinh, chỉ là tóm lược mà thôi.

“Cổ thắng ...” là dẫn chứng: Trước nói đến dẫn kinh, “hỏi vì sao...” là giải nghĩa. Về chánh nói, có phần hỏi và đáp.

“Trước giải thích về tên riêng”: Ngài Kinh Khê nói: Giải thích ba thứ ý sinh đều nói là e sợ, là tôn trọng kinh Phật bao gồm nói không chấp ba thứ cấp bậc, văn kinh nghĩa đã bao hàm. Vì thế sao lại dạy Tam-muội Chánh thọ. Nếu căn cứ theo Thông giáo thì Địa thứ bảy trở lên hoặc đến Địa thứ chín. Nói tự tánh, là trụ của Biệt giáo đồng với Thông giáo nên lấy thập hạnh. Viên giáo đã nói phục được vô minh, liền biết đó là thập tín. Sở dĩ Biệt giáo nói tự tánh, là nếu không thấy trung thì không thấy tự tánh các pháp.

“Đều nói ...” là giải thích tên chung. Chưa phát chân tu, là Địa trụ của Biệt Viên trở về trước gọi là viên tu. Khi đăng địa đăng Trụ mới gọi là chân tu. Trước là ước ba hạng người vô minh hãy còn đầy đủ, nên đều phải tác ý mà sinh về cõi kia. Ban đầu dùng Tam-muội Chánh thọ, tuy ước Thông giáo mà vào không, tiếp vào Viên Biệt thì cũng thuộc duyên tu. Nên Kinh Khê nói: Nghĩa chân duyên, nghĩa ấy chung cả Thông và Biệt. Từ “hỏi” là giải thích phương ngại. Ý hỏi: Lãng-già nói ý sinh đã ở Địa thứ mười, hợp sinh Thật báo, cơ sao vừa giải kinh Thắng Man chỉ nói người Thông giáo và bậc Địa trụ trở lên sinh cõi Phương tiện ư? Song Địa thứ mười của kinh Lãng-già lại ước thông mà nêu nghĩa, đã như trước ghi thì tên Địa thứ mười là quá lạm. Nên đây ước Biệt, Viên mà hỏi, nên nói ứng sinh ở cõi Quả báo.

Đáp: Trong đây từ hai hướng tu mà giải thích.

Ước vào Biệt của Địa thứ mười mà phán quyết ba ý sinh. Nếu thế sao lại vừa bảo đều nói ý, là do chưa phát chân tu còn là tác ý ư? Biệt địa đã là chân tu thì nghĩa của ý sinh lấy gì làm chủ.

Đáp: Ngài Kinh Khê nói: Nếu dựa theo Biệt giáo thì có hai nghĩa, ba thứ đều gọi là ý, ba thứ đều nhập Địa: Một là, chỉ là chưa rốt tên ý; hai là kèm theo giáo đạo nói là ý, nên nói ba thứ ý sinh, tức sinh vào Báo độ. “Dựa thông...” là chuẩn theo đây, tức như trước đã nói một chất một thấy. Tức là ba thứ ý sinh của Nhị thừa và Dương giáo chất khác một thấy mà nói tức là Biệt giáo Bồ-tát. Phải biết theo văn kinh ở Lãng-già tức là người Biệt Viên có ba ý. Nên nay Biệt lại từ Thông Bồ-tát mà nói vậy.

Nếu thật ...” là quyền sinh cõi quả báo thứ ba, và cõi Tịch quang thứ tư. Nói cực quả không sinh.

“Nếu phân ...” là phân nghĩa chân sinh, trước là chánh nói: Từ dưới tịch diệt cho đến một đời, là kinh Nhân Vương nói: Tịch diệt nhãn chỉ có hai phẩm. Nay nghĩa khai là ba phẩm, thượng phẩm là Diệu giác. Đây lấy tịch nhãn tức là Tịch quang, nên dựa theo riêng trung hạ để nói nghĩa sinh. Hoặc nói dưới đây dựa theo Thông mà luận. Bắt đầu từ sơ trụ được Vô sinh nhãn, cuối cùng là Đăng giác, là trung phẩm tịch nhãn đều gọi là phần chứng Phật tánh, đều gọi là vãng sinh Tịch quang. Nên nói đều có nghĩa này. “Chỉ có...” cướp lời mà nói: Tịch quang chỉ là diệu giác vì phần chứng cũng còn có vô minh hoặc biến dịch sinh tử.

“Tiền tứ ...” là kết nêu: Hỏi phần ...”, liệu giản, có chọn Đồng cư và Hữu dư, phần hỏi: Ngài Kinh Khê nói: Lấy kiến tư của Thông mà hỏi kiến tư của Biệt đã đồng thì xả thân cũng phải bình đẳng. Đáp, như:

Văn.

Chọn Thật báo Tịch quang, thứ nhất chọn bất sinh: ngài Kinh Khê nói: Hỏi Thật báo thọ sinh... lại lấy văn trên nói có sinh ba cõi kia, chỉ có Thường tịch quang thì không có vãng lai sinh hẳn nhiên câu hỏi này không hợp. Trong ý đáp là chỉ muốn làm rõ lại việc từ tên làm mất nghĩa. Cũng dựa vào trung hạ ở cõi quả báo. Thứ hai chọn nghĩa sinh, hữu biên luận nói sinh... ngài Kinh Khê nói dựa theo báo mà luận sinh, thế nên hữu biên luận ở quả báo. Nếu căn cứ sở nhập biên thì không phải quả báo. Nhưng sở nhập biên tức là thấy chân, nên nói là không sinh. Thượng phẩm không có báo chỉ có chân. Vô sinh mà nói sinh, tức không sinh mà sinh. Cho nên trong cõi quả báo thấy chân, thì cũng có quả báo, nghĩa không sinh mà sinh. Rốt ráo mà luận thì Tịch quang chỉ có chân, không hẳn quả báo. Về nghĩa mà nói thì cũng có thể được nghĩa không sinh mà sinh. Đây thì không còn sinh nữa vậy; thứ ba chọn nghĩa thường. Ngài Kinh Khê nói ý hỏi này từ tên mà lập, dùng chẳng sinh sinh cùng chẳng thường thường mà nói cái thế muốn đồng nghĩa ấy. Vì giống như trái nhau nên lấy nghĩa trái để hỏi thế đồng. Trong ý đáp, là tên khác nghĩa đồng, nên chấp nhận lý này. “Hà giả ...” là giải thích nêu tướng tên khác mà nghĩa đồng. Rốt ráo mà luận thì chỉ gọi thường. Thường cho đến chẳng sinh, cho nên dẫn vào Thánh vị, tức là thường của chẳng thường, sinh của chẳng sinh bốn mươi một Địa. Chân lý không sinh, không sinh mà sinh, vì còn sót vô minh nên gọi là chẳng thường. Vì thấy một phần thường nên gọi là thường. Nghĩ kỹ sẽ thấy.

Về phần nói giáo, có hai: Một là nêu; hai là “Một nhiệm...” giải thích có nhiệm tịnh, trong đó lại có uế và tịnh.

Khai tiệm giáo, Tiêm sự nói: Khai là mở rộng ra nói về bốn nguyện. Ngài Kinh Khê nói: Ở thượng phẩm tịnh độ không cần phải khai tiệm, cho nên cần nhân nguyện, mới có thể nói được. Cõi Hương tích không nguyện nên không nói được. Không nói không nghe nên lại hỏi. Như cõi An dưỡng thì cây nói khổ không, người nghe La-hán. Đã không nói nguyện thì nghiệm ra tịnh độ không cao.

Cõi Hữu dư, có thọ báo lợi độn đều được vãng sinh là tổng có chín người: Nhị thừa hai giáo, Bồ-tát ba giáo, Biệt vị khai ba nên thành chín Địa, đoạn hết tư thì vị được sinh cõi này. Bồ-tát thì lợi, Nhị thừa thì độn. Thông Biệt Viên rất lợi độn. Đây là căn cứ Bồ-tát mà truyền luận. Bồ-tát Thông giáo so với Nhị thừa là lợi, nhưng so với Biệt thì vẫn độn. Biệt Viên cũng theo lệ đó.

“Như Lai ...”: Nói giáo nhiều ít cho nên Pháp hoa... ngài Kinh Khê

nói: Đây có hai ý:

1. Thông chứng tất cả nên khai quyên.
2. Biệt chứng Nhị thừa nên tiệm, đều là ý của Pháp hoa, thế nên dẫn ra.

Nếu là ý của Biệt giáo thì là khai giáo mà không khai lý. Hoặc cũng khai lý để nêu Viên trung. Thứ đến là cõi quả báo và cõi Thường tịch quang, ở đây lại nêu cực quả Tịch quang; pháp thân ngậm giúp, là Tỳ-lô khắp nhiếp, nên nói là ngậm giúp. Tức tên ngậm giúp này là nói pháp. Lại nữa nên biết, chỗ ứng thân nói tức là pháp thân nói. Ta nay thân này tức là Pháp thân. Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na nên không nói mà nói.

“Nếu căn cứ ...” là nói nghĩa chung ba cõi. Có ước cõi Thật báo. Ngài Kinh Khê nói: Vô tác... có biên quả báo thì cần nói khổ tập, vì có khổ tập nên cần đủ bốn Đế. Đối với cõi quả báo phân luận cõi Tịch quang thì cần theo lý mà nói. Cho nên chỉ có nghĩa Thật đế cũng phải ở Tịch quang mà nói pháp. “Hai ...” là căn cứ vào hai cõi dưới. Ngài Kinh Khê nói: Loại này nên biết, tức cõi Hữu dư và Đồng cư đều được luận ngang tức là cõi Tịch quang. Như trong cõi Hữu dư cũng nói vô lượng để đối với Nhất thật. Hoặc nói Thông đối Nhất thật. Cho nên trong cõi Hữu dư nếu nói Nhất thật, tức là trong hữu dư có Tịch quang nói pháp. Thật báo cũng theo lệ đó, nên có thể thấy. Song ước ngang mà luận thì Đồng cư có đủ bốn, ba cõi kia dần dần giảm sút, lệ theo đó có thể thấy. Nếu gồm đồng thể thì tất cả đều có bốn.

Về quán tâm, nói rộng về để sinh bốn cõi. Không rõ quán tâm bỏ đạo càng xa, nên mượn việc để thành quán, khiến không mê mờ tu tập. Văn có nói về tâm cảnh, tức tâm tánh rất là trống vắng. Ngài Kinh Khê nói: Trước lập tâm tánh là lý Tịch quang. “Mà các ...” là nói vì mê Tịch quang mà thấy có ba cõi, hoặc mất một Đế mà thấy có bốn Đế, nên nói có nhiều điên đảo... Đây là nói chung về các nguyên do. “Không nói ...” là chỉ quán pháp, có nương cảnh mà tu quán, từ vô minh đến pháp được sinh, là cảnh sở mê, đem sở mê này làm sở quán. Muốn lấy ba quán gồm thân ba cõi dưới, nên cái mê cảnh này lại chỉ cho ba thiện ba ác ở sáu cõi nên nói thiện ác. Văn trước nói một chúng sinh ác tức là bốn thú, hai chúng sinh thiện tức là trời người. Lại có thể mười giới mà truyền luận thiện ác, thì việc tạo mười giới là Sở quán này. Nay quán thiện ác đều do tâm khởi tức là không, giả, trung. Một niệm cũng không được, nên là không lý, đủ ba ngàn nên là giả, tâm tánh bất động nên là trung. Một dung nhau mới gọi là diệu quán.

“Trung là ...” lấy quán phối côi, điều này có phối côi tức toàn lý thành sự, nên nói trung là cảnh nhân duyên thiện ác. Nên lấy cảnh này để nhiếp Đồng cư, kế lấy ba quán phối nhiếp ba côi có thể thấy. Không phải nhân không phải quả mà nhân và quả, là trong lý không phải sự nên không phải nhân quả mà bắt đầu giải lý này gọi là nhân, cuối cùng hiển bày lý này gọi là quả. Nên nói mà nhân, mà quả. Nếu biết rõ côi chí ngại, là nhân quả không khác, lý thử chung một tên vô ngại vậy.

“Nên văn ...” dẫn chứng lời Phật nói, như đây lẽ nào không quán tâm?

Về dùng nghĩa để giải thích kinh, có hai: Một là nêu lệ; hai là giải thích, đây giải thích phần tựa chung tức dưng cúng lọng nhỏ. Vì là nhỏ, nhân nhỏ mà quả lớn là biểu thị cho quả lớn chẳng nghĩ bàn. Tịnh độ vô phương hiện ba ngàn côi biểu thị nói ứng độ. Hiện ngã là ta hiện ba ngàn côi. Ở thông chánh nói, có hai: Một là, nêu bày; hai là, “Một thông ...” giải thích, tức nói chung ngoài thất, có nêu và “Bảo Tích ...” giải thích, thông nửa phẩm. Lại côi hiện ra Tiểu thừa được lợi, tức vừa tịnh nay liền uest. Nhân ngộ vô thường lại thấy côi mà được lợi nhỏ.

Huyền chỉ của phẩm này vậy, ngài Kinh Khê nói văn nghĩa một phẩm này gồm cả tựa và chánh thuyết. Trong tựa biểu phát Bát chánh rõ ràng, “cho nên ...” là chánh nói về huyền chỉ ở đây.

“Kế thông ...” là thông ba phẩm, kết nghiệp chưa đoạn thì sinh côi Đồng cư tịnh, ngài Kinh Khê nói: Chỉ chưa đoạn được sinh, không phải toàn chưa đoạn. Hai loại chúng sinh đến sinh, ngài Kinh Khê nói: Từ phẩm Phương Tiện và người đoạn hữu vi duyên tập, nên nói như thế. Vì phẩm Phương Tiện chỉ dùng hai giáo, nên lại cũng chỉ chúng sinh hai giáo đoạn hết hoặc mà đến sinh côi ấy. Trong phẩm Đệ Tử lấy ba giáo mà chê trách, nên cũng chỉ có ba giáo đến sinh. Ấy thì ba giáo đến sinh, đến đó chỉ học hai giáo. Trong phẩm Bồ-tát chỉ nói một thứ chúng sinh đến sinh, là từ chỗ đến mà nói. Từ Thật giáo nói duyên tập ngoại giới tức là biệt hoặc.

Hỏi: Tiến từ đoạn biệt hoặc sinh côi quả báo, khiến đoạn vô minh sinh côi Tịch quang. Biệt hoặc cùng vô minh khác hay đồng?

Đáp: Đồng vậy! Chỉ vì chỗ đoạn của Sơ trụ không cùng chung với Tiểu thừa nên gọi là biệt hoặc. Đẳng giác đoạn được nguyên phẩm sau cùng nên gọi là vô minh. Nên nói là sinh côi Tịch quang. Lấy bốn côi để tách riêng Tịch quang, tức xét là cực quả.

Nói về trong thất đều hiển bày côi Phật y chánh tự tại, thật do y chánh chỉ duy tâm, ba ngàn vốn đủ. Lý này phần hiển tất có Đại dụng.

Tâm tánh không ngoài, việc dung nạp của hạt cải nào nghi, cả Tu-di biển lớn đều thuộc y báo, nên nói đều hiển bày...

“Thiên nữ ...”, ngài Kinh Khê nói: Chính dẫn văn nói về trụ để chứng cho việc đồng trụ ở Tịch quang. Không lấy mười hai thông Phật đạo phẩm, tức ở chỗ bất tịnh mà hiện tịnh, đầy đủ như ý giải thích về việc hóa độ. Song trong đây lại theo ngang dọc mà nói. Lại dẫn kệ ngài Tịnh Danh, là chứng tỏ bậc Sơ trụ bỏ hạnh tịnh độ, không thể Không tu, người ở nhân hay ở quả cũng đều thế.

Nói ra thất. “Nếu không hiểu rành...”, ngài Kinh Khê nói: Nếu không bắt đầu chưa giải nghĩa cõi Phật, phẩm này chỉ nói Bồ-tát tịnh độ và chúng sinh đến sinh đều là hạnh tịnh độ, như thế các văn do đâu mà biết được.

- Nói về lưu thông:

Giải thích phẩm mục có chánh giải, tên phẩm là chánh giải: Tức giải thích tên chung.

“Nhưng đây ...” là nêu tên riêng. “Hỏi ...” là giải nghi có giải nghi: Tức có chánh hỏi: Nghĩa là nghi mà hỏi. “Đáp ...” giải thích thông có tổng chê và “Nay giải ...” là chánh đáp, có dẫn lệ. “Nếu chẳng ...” cùng lệ. “Nếu thế ...” là lại nêu chứng cứ: Tức nêu chứng cứ. Ngài Kinh Khê nói: Nếu thế, vì sao lại chẳng giống với kinh Đại phẩm kia từ tựa đề tên? Về giải thích, ngài Kinh Khê nói ý đáp, là dẫn kinh Kim Quang Minh cậy nhờ bài tựa cùng chánh thuyết đồng một phẩm.

“Đây đã ...” là khuyên răn người sau tức người dịch, không phải Phật và A-nan, là nếu cho Phật đặt tên phẩm mà kinh không có văn tự nói. Nếu bảo người không kết tập đặt tên phẩm thì cũng không có chứng cứ, cả hai người đều sai. Ấy bởi do người dịch đặt ra mà thôi. Thử luận xem, vả như Trọng Ni sinh ở phương này, giả sử một mai có người nói: Giáo ngài sao hai nước Tề, Lỗ phân chương không giống nhau, hai phần lớn nhỏ Lễ, kinh đều khác. Hướng là Đông độ và Tây vực xa xôi, tiếng Phạm và Hán cách biệt, thì tùy người dịch khiến tên có khác. Nên nay khuyên rằng không đủ để chấp chặt. Nếu Phật tự đặt ra thì như phẩm Dược Vương của kinh Pháp hoa Phật tự nói lên. Nếu có người nghe là phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự. Còn người kết tập tự đặt là như phẩm Diệu Âm cuối cùng. Người tập kinh nói là phẩm Diệu Âm Lai Vãng. Căn cứ vào văn kinh ấy để làm lệ cho phẩm này không phải là hai cách. Tin rằng người dịch chuẩn theo nghĩa mà đặt tên. Như kinh Đại phẩm thì nhà kết tập chỉ nêu có ba phẩm, nhưng ngài La-thập dịch xong thì mở thành chín mươi phẩm. Lại như Đại kinh vốn “không”



có phẩm Tựa, mà đầu tiên chỉ là phẩm Thọ Mạng mà thôi. Đến thời Nam triều sửa định lại, Tựa công căn cứ theo sáu quyển Nê-hoàn mà khai phần thọ mạng này thành bốn phẩm, bảo phẩm Tựa là Thuần-đà buồn trách việc sống lâu. Lại khai phẩm Như Lai Tánh thành mười phẩm. Đây không phải do người dịch, chỉ người sửa định lại thêm vào, chuẩn biết các kinh không phải do Phật tự nói mà do người kiết tập, tức là người sau thêm vào.

“Kinh này ...” là huyền thích nghĩa chữ Tựa, có hai: Một là lý do có tựa; hai là “nghĩa của tựa ...” là chánh giải thích có nêu lệ và tùy giải thích, lại có lược thích: Tức chánh giải thích có nêu thích ba nghĩa mị tri cũng như bất tri.

Đệ tử ngôi cao, ngài Kinh Khê nói: Như khen ngài Bảo Tích thần trí cao sáng, huống còn là Hóa Phật hiện tích. Hóa Phật cũng còn là chung ở nhân quả khó lường về bốn, nên cũng đầy đủ các thứ. “Nay kinh ...” là phối đối văn kinh.

Về liệu giản, có chọn các kinh, hoặc hai hoặc một, Tiêm sư nói: Hoặc hai, là chỉ lý do của hai tựa sau, hoặc một là tựa sau không thể thiếu. Cũng nói có ba tựa, nhưng không có kinh nào như thế.

Trước là vào chánh tông. Tóm lược Bát-nhã là đó. Đây cũng giải thích người chọn lọc rút gọn mà thôi.

Về chọn chữ.

Hỏi: Tựa giảng không đồng. Nếu lấy nguyên do làm nghĩa thì phải đặt lời nói đầu, nếu lấy luận bàn làm nghĩa thì phải đặt lời tựa, sao được phẩm đầu ở các kinh lại viết tựa sau, viết mà gồm cả hai nghĩa kia ư?

Ý đáp rằng: Tuy viết chữ tựa sau nhưng kinh đã đầy đủ. Nguyên do sau nói có ba ý. Xưa nay các nhà đều đề chữ tựa sau. Ý nghĩa ...” là dẫn chứng Phật khiến y vào nghĩa nên ở lời tựa sau mà trình bày ba nghĩa cũng là không lỗi, sao lại chấp nhất định ở chữ viết. “Nên nói y nghĩa...” lại căn cứ vào thiên Nhĩ Nhã mà giảng chữ sau, là phải nên viết tựa, nên Thích Hổ nói diễn bày sự việc thuận với Tựa. Quách Bộc chú rằng: Đều gọi là tựa sau. Thích Cung nói tương vách Đông Tây gọi là tự. Quách nói: Để phân cách trong ngoài. Nhưng các nhà Phật học thì dùng tựa sau để làm tựa, giảng nói lẫn lộn tùy chỗ sử dụng thôi.

Về cách nói chung riêng, có chánh giải thích, tức nói gọn ba thành hai.

Từ “các kinh” là giải thích danh nghĩa hai tựa; Nay nhân ...” là nói tựa nhân tên mà lập.

Nhân tên riêng có tựa riêng, ngài Kinh Khê nói: Như nhân tên Duy-ma chẳng nghĩ bàn mà được có việc hợp lộng... chẳng nghĩ bàn, nhân chữ kinh mà có lời: Tôi nghe như vậy... Và căn cứ hành lý chung riêng, nếu không có hạnh lý thì đâu cần có giáo này hướng là không có ba việc này thì sao có đồng mà nói. Cho nên tất cả kinh đều có đủ ba thứ này và dùng chung riêng, đầy đủ như Pháp hoa Sơ đã ghi.

“Hỏi nếu ...” là liệu giản, chọn sau khi Phật diệt độ có phần hỏi và đáp: Về hỏi đáp nghịch. “Để tiện việc lập tên...” trước nêu sở thuyên để làm sáng năng thuyên. “Để tiện làm tựa..., là trước nói Tôi nghe, sau mới nói việc.

Lại nữa ...” là hỏi đáp thuận, có chánh bày trước sau và thuận hỏi trước, nghĩa không thông các phương nên nói một đường. Mới nói lời này, tức phó chúc khiến được yên. Căn cứ vào người kiết tập tuyên nói ắt trước chung sau riêng. Nay dựa vào Phật nói trước riêng sau chung.

“Trước kinh ...” càng chưa phân hiện. Trước kinh là tựa riêng, ở trước phần chánh thuyết là phần phát khởi. tựa sau kinh là tựa chung. Vì khi diệt độ mà phó chúc.

“Nếu thế ...” là chọn đời Phật. Đã có việc này, là đã nói văn lý và có A-nan là người có thể nghe...

Về quán tâm, có chánh nói nghĩa Tựa: Tức phần chánh nêu quán tâm. Tâm tức là chung, quán tức riêng. Tâm một quán ba nên tâm chung quán riêng. Chung là sở quán nên phân ra ba thứ. Cho nên đây có hai Tựa. Nhân quán mà chứng lý, lý như chánh thuyết nói. Nhân đây ...”, đối với quán tâm tựa riêng luận về nguyên do, nói các nghĩa thiếu sót mà chưa luận đến. Thành tựu tất cả pháp, nghĩa là pháp tự tha nhân quả đều do quán tâm mà thành.

“Tức là ...” là nêu nghĩa nguyên do. Đạo nghĩa là phần chứng và rốt ráo. Nhân quán mà vào đạo nên quán như cánh cửa là nguyên do tu của Sơ tâm ở đấy.

“Hỏi nếu ...” là chọn tên trước sau.

Ý hỏi: Ngài Kinh Khê nói tâm chung quán riêng, nay nói quán tâm thì riêng trước, chung sau, vì sao lại nêu lệ chung riêng hai tựa?

Ý đáp: Căn cứ theo cách nói tiện lợi ở đời nên không nói ngay là tâm quán, nhưng cũng là thuận theo cách nói của cõi này. Nếu theo tâm quán của Tây vực tâm quán thì có lỗi gì.

“Hỏi huyền ...” là nêu nghi ngờ để làm lợi ích, có nêu nghi: “Sợ không hoại loạn...” là sợ không phải cốt yếu làm mất văn.

“Đáp ...” là bày lợi ích. Xúc xứ quán hành, tức là hoặc sự việc

hoặc pháp xâm nhập vào tự tâm. Như thế mà hồng kinh há đồng với đếm của báu. Hễ một nhà nói quán gồm chung ba thứ. Một là, căn cứ hành, hai là phụ pháp, ba là phụ sự. Như chỉ quán đã nói quán thẳng ấn tâm, tức là ba Đấng mình người đều khắp, ba thứ không sai khác gọi là căn cứ hành quán tâm. Còn hai thứ kia thì nhiếp sự tướng của pháp tướng kia, mà trở về ba đế tịnh tâm. Phụ sự đạt lý gọi là phụ sự. Phụ pháp cũng thế. Nay nói ba phần tức là phụ pháp. Dưới nói Am viên tức là phụ sự. Song loại tuy có ba nhưng cốt yếu chỉ quy về một chỗ. Chỉ sợ vướng ngoài nghe trong mà quên căn cứ ở hành, cho nên cần phải chỉ hai thứ mà trở về. Kế hậu học đến đây thì cần phải rất lưu ý, Tông chỉ rốt ráo của một nhà chính là ở đây vậy. Một khi mất nguồn cội thì khéo dụ càng thắm, khéo nói càng hợp lẽ. Tiêm sư nói: Không phải chỉ khiến văn nghĩa lạnh tanh mà cũng khiến việc xem văn thành quán, tuệ giải sáng suốt.

Phần chánh vào văn kinh: Tức nửa phẩm Tựa phân hai là phân khoa và tùy giải thích, có tựa chung và nêu chương.

Về giải thích, có giải thích chung là nêu bày đại chỉ. Nói nhập tướng Phật pháp, tức sáu việc để chứng tín là tướng nhập đạo.

“Đại luận ...” là dẫn luận để rộng giải thích được dẫn rõ luận văn có dẫn chung luận văn. Thân thuộc ái kết, tức A-nan là em họ của Phật, đã chứng được ba quả nhưng chưa đoạn hết, các tư hoặc còn sót, nên có ái kết. A-nê-lâu-đà hoặc A-nậu-lâu-đà hoặc A-nê-lũ-đậu là tiếng Phạm thời Sở Hạ. Hán dịch là Vô bản, hoặc dịch là Như ý. Tư quyết, Tả Truyện nói: Hỏi han điều thiện gọi là Tư. Được sức niệm đạo là trong quán chân không, nên nói là niệm đạo, thường dẹp được ưu não nên gọi là sức. “Cho nên biết ...” là riêng kết. Dẫn chứng giải thích có nêu bằng cứ và đáp giải thích tức giải thích việc xưa của kinh. Để đoạn nghi khuyến tin, khi kết tập, ngài A-nan đã lên tòa cao, lại hình thể giống Phật nên đại chúng nghi là Đức Thích Tôn lại xuất hiện, hoặc cho Phật từ phương khác đến, hoặc nói A-nan đã thành Phật, nhưng khi A-nan lớn tiếng nói: “Tôi nghe...” thì các nghi đều tan, nên nói đoạn nghi. Về khuyến tin, thì tin là hay vào trí, hay độ, không tin thì nói việc như thế, tin thì nói việc đúng như thế. Đó gọi là tướng kiết tường, trước là hiện tướng tốt để biểu thị trong kinh đều tốt. Đây đủ như trong Bách luận thì Pháp hoa Sơ Ký quyển một có dẫn đủ.

Về giải thích Phạm Đàn pháp tri. Tự ý mình thuộc dòng vua tức Xa-nặc cũng dòng họ Thích. Giải thích lấy giới kinh làm thầy: Hán dịch danh tiếng Phạm là xứ xứ giải thoát hoặc là biệt biệt giải thoát. “Hỏi

...” là chọn phép rắn ác. Phần lớn không phải chánh nghĩa, nghĩa là khi ăn thì cấm ăn phi thời. Luận nói: Trong thế giới ấy thật không phải thật trong Đệ nhất nghĩa. Đã không phải thật trong Đệ nhất nghĩa, vì sao lại chắc là được chân giải thoát. Trong lời đáp lại dẫn Đại luận không nên tìm thật, là vì khác ngoại đạo, vì muốn pháp trụ lâu dài. Tạm thời quyền chế không nên ở đây mà tìm thật lý.

“Kim thời ...” là Đại sư nhân dẫn Thích luận nói muốn pháp trụ lâu dài bèn chê người đương thời không tuân giữ giới luật. Dương Tử Pháp nói trị của Thánh nhân là thiên hạ, ngăn ngừa thì dùng lễ, nhạc, không dùng là loài cầm, khác là loài thú. Nghĩa là giới luật cũng là lễ, nhạc của họ Thích, kẻ đầu tròn mà khinh bỏ đi đâu cũng chẳng là loài cầm thú ư?

Giải thích niệm xứ tu đạo: Trước bày lỗi hiển lợi ích, nếu lìa đến thế trí là nêu lỗi lìa bỏ niệm xứ. Vì niệm xứ là tuệ xuất thế, nên nếu không có tuệ xuất thế thì chỉ ở trong sinh tử. Tùy thiên mà thọ sinh, tứ thiên sinh cõi sắc, tứ định sinh cõi vô sắc. Nếu tu ...” là hiển bày lợi ích việc tu niệm xứ. Tạng, Thông thì phá bốn đảo nội giới, Biệt Viên thì phá bốn đảo ngoại giới.

“Hỏi ...” liệu giảo Đại Tiểu: Tức chấp nhận Tiểu có Đại mà không gan hỏi, nghĩa là Tiểu thừa có niệm xứ, Đại thừa thì không. Là nói Đại Tiểu chung có. Nói Đại, thừa có niệm xứ, ba giáo sau đều quán niệm xứ mà được đạo. Niệm xứ chỉ là quán năm ấm. Nếu lìa năm ấm thì không có cảnh để quán. Thân niệm tức là sắc ấm, thọ niệm tức là thọ ấm, tâm niệm tức là thức ấm, pháp niệm tức là tưởng, hành ấm. Từ “Nếu lìa ...” là ra ngoài ba giáo không có Đại thừa nào khác, cả ba giáo đều tu niệm xứ. Nếu bảo không cần thì chắc chắn là thuộc tà chấp đâu quan hệ gì đến Đại thừa. Huống là lời di chúc khi Phật Niết-bàn là sau khi Phật diệt độ khiến các Tỳ-kheo phải y niệm xứ mà khắp dạy cho tất cả, đâu lại chọn Đại, Tiểu. Than ôi, đời có người không biết danh nghĩa niệm xứ tự bảo đó là Đại thừa, thật là lầm? Lại chấp danh tướng luật mà không tu niệm xứ. Người như thế cách đạo rất xa.

Từ “chỉ Phật ...” là nêu Đại thừa viên dung. Không ra ngoài Bán Mãn, tức chữ Bán chữ Mãn là tên của sách tục, Như Lai lấy đây mà dụ cho Đại và Tiểu thừa. Như kinh Niết-bàn nói: Trong khoảng khô vinh, là Phật ở khoảng rừng cây bốn khô bốn vinh mà nhập Niết-bàn. Chính là biểu thị Niết-bàn Phật tánh, không phải Bán không phải Mãn, mà song chiếu Bán Mãn, tức chiếu mà ngăn, ngăn mà chiếu. Cho nên Đại Tiểu khô vinh tất cả đều là dụng của Niết-bàn. Tức dụng là thể trung

gian thấy tánh. “Ra ngoài niệm ...” là nêu việc niệm xứ gồm nhiếp. “Ra ngoài niệm xứ đến với đạo là Đại Tiểu Bán mãn không ở ngoài niệm xứ. “Cho nên Phật ...” là nói nếu không noi theo lời phó chúc của đấng cha lành thì gọi là con bất hiếu.

Một nhà Chỉ quán chỉ quán ấm cảnh, tức là vô tác niệm xứ.

Về giải thích riêng có huyền thị, tức ngầm nêu. “Nhất như ...” là luận bày. Từ “Sáu thứ này ...” là kết ý, có chánh kết ý. “Như thế ...” là chỉ đầu mối. Từ “như ...” là giải thích thêm có nói đầu mối khuyến tín, có ba: nhân duyên, ước giáo và quán tâm. Nếu không có ý đầu thì không khác ngoại đạo chấp. Nếu không có ý sau thì không luận thiên Tiểu. Nếu không có ý thứ ba thì làm sao nói lên được giáo công của năng thuyên, lấy gì làm gốc cho hạnh cõi Phật. Cho nên cần phải nhập tâm thành quán, phần quả mới có ngày. Nên Chỉ Quán nói: quán cùng kinh hợp nhau mới là không phải đếm báu của người. Ở đây mà lược biết tất không hạn cuộc ở giáo. Nếu muốn tu chứng phải nương chỉ Quán, lấy mười cảnh mười thừa chung làm tất cả Đại giáo hạnh môn. Bốn thứ Tam-muội không kinh nào chẳng có. Không thể vừa thấy quán tâm liền bảo không cần chỉ Quán. Cho nên một nhà làm chương Số phạm khi đến hạnh môn đều chỉ vào bộ ấy. Như Pháp hoa Số giải thích An lạc hạnh, Kim Quang Minh Số giải thích Không phẩm. Về thứ tự nếu so với văn quán môn khác thì rất rộng. Lấy mười thừa chưa luận, mười cảnh chưa tỏ. Nếu muốn tu tập, ra xa sợ phải chìm. Cho nên ngài Chương An đối với văn số ấy chỉ đặc biệt nêu chỉ Quán. Các văn khác cũng nhiều như thế. Đâu đợi phải trình bày tường tận, hàng hậu sinh khả úy, tìm thấy tất tự hiểu. Ba ý này nếu so bốn ý của Pháp hoa nêu văn thì chỉ thiếu bốn tích. Vì kinh này chưa nói bốn xa. Từ đây ...” giải thích kinh văn, văn hợp với đây, nếu hoặc thiếu hoặc lược bỏ thì văn không liên lụy đến cách viết. “Đều quý” là hiểu được ý.

Nhân duyên đầu, ngài Kinh Khê nói: Từ “đây ...” giải thích chung văn tựa, nghĩa đủ bốn Tất-đàn, ít nêu danh mục, cứ chuẩn theo Pháp hoa Số so sánh có thể thấy. Nay trong đây chỉ nêu một, hai chương tiết, khiến việc so sánh sau này ắt dễ hiểu.

Nay văn nay đầu tiên là thế giới Tất-đàn. Lại “như thị ...” là vi nhân Tất-đàn. Lại “Đại luận ...” là đối trị Tất-đàn. Lại “xưa nay ...” là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Hiện đời đấu tranh là mình chứ chẳng phải người quấy. Không theo chánh lý thì báo ở nơi địa ngục chẳng cũng là phải sao? Thích tử mà như thế tức đồng kẻ ngoại đạo. Đại luận nói lệ rằng:

*Vì pháp mình ái nhiễm  
Chê bai pháp người khác  
Tuy là người trì giới  
Không khỏi khổ địa ngục.*

Lời nói này có bằng cứ, người học hãy thận trọng.

Căn cứ ở giáo có chánh giải: Tức dựa vào giáo có nêu bốn lý vắng lặng tùy cơ phân làm bốn. Ở Đương giáo mà luận, lý đều không nói năng. Nên nói bốn không thể thuyết.

“Một nhân ...” là giải thích. Câu-lân tức Trần-như, cùng bốn người kia nên nói đặng. Pháp nhãn tịnh là Sơ quả, nói năm nghĩa, tức khổ, không, vô thường, vô ngã, tịch diệt. Dẫn Vô Lượng Nghĩa nói Bát-nhã, Hoa Nghiêm để làm chứng giả danh, ngài Kinh Khê nói: Lại từ nhiều kiếp để chứng giả danh, không phải toàn bộ hai kinh đều ở giả, mà chỉ là nói nhiều, nên mượn dùng. “Nếu Bồ-tát ...” là thấy Phật tánh, khai Phật tri kiến đều ở sơ trụ.

“Phật pháp ...” là kết. Chỉ chung bốn giáo gọi là Phật pháp.

Ước theo vị có nêu chung năm vị. Từ “kinh này ...” là riêng nêu kinh này. “Hỏi ...” là giải nghi. Về quán tâm, có chánh giải thích: Trước là nêu bày. Từ “Hoa Nghiêm ...” là dẫn chứng. Tâm Phật là chỉ chân, tâm chúng sinh là chỉ vọng. Mê chân mà thành vọng, Liễu vọng thì tức chân. Sóng nước, dây leo, rắn... thì ý dụ có thể biết. Chúng sinh và Phật lý bình đẳng, chân vọng nhất như. Thế nên muốn biết tâm Phật thì chỉ cần quán tâm chúng sinh. Như muốn biết nước thì quán sóng tất có thể biết. Nên Thập Bát Nhị Môn nói ba ngàn đồng ở đất tâm, cùng đất tâm Phật ba ngàn không khác. Một trần dụ cho tâm chúng sinh, kinh quyển dụ cho tâm Phật. Tâm đủ ba ngàn tức tâm Phật vậy. Ba quán tâm tức đủ bốn lý, do tâm vốn đủ ngoại cảnh hay huân. Cho nên quán như lý có bốn thứ khác nhau. Nếu hiểu ba quán sao lại không thu nhập?

Về giải nghi. Lục tức là phân biệt, vì tức nên phạm cũng đầy đủ, vì lục nên Thánh chỉ có ở Phật. Thế nên bắt đầu là phạm mà lý đủ không nghi, không có thú để thọ sinh mà không sợ, còn cuối cùng là Phật, mà không thượng mạn vì sinh ra đã tự lớn. Nghĩa Lục tức này khởi lên từ một nhà rất phù hợp viên chỉ, dứt khoát không có các lỗi. Ám thiền là nhiều tăng thượng mạn. Văn tự là suy công người trên đều do không hiểu Lục mà lại tức, nay người ở ngôi vị danh tự y kinh tu quán mà không đồng đếm báu. Hoa Nghiêm đời Tấn dịch nói: Thí như có người bần cùng trọn ngày đếm số châu báu của người khác mà chính mình không có nửa xu, nếu đối với pháp chỉ nghe nhiều mà không tu

hành cũng thế. Thân thừa âm chỉ, có phần nêu bày. Từ “Nhất tổng ...” là chánh giải thích có tổng giải thích: Chánh giải lại có ước nghĩa mà lược giải. Về dẫn luận giải thích rộng: Người Học, Vô học, học tức là ba quả trước, Vô học tức quả thứ tư. Thị giả A-nan là người Học, đến khi kết tập xong thì là người Vô học. Tùy lẽ tục xưng “Ta” nên không trái lẽ nghi, trong không chấp ngã nên không trái chân thật. Người không lấy làm lạ, là như Thánh nhân xưng ngã, như lấy vàng đổi đồng đời không lấy làm lạ. “Nhĩ căn không hư...” là nói theo xưa. Nhĩ thức do bốn duyên sinh ra:

1. Căn.
2. Trần.
3. Không.
4. Tác ý.

Trong văn chỉ thiếu duyên không. Hòa hợp lại không phải thiếu các duyên kia nên hay sinh thức. Các nhà học mới nói nhĩ thức do chín duyên sinh ra, như các nhà danh số nói.

“Hỏi ...” là giải nghi: Ước lúc trước sau mà giải nghi có niềm nghi. Từ đây trở về trước, Nhĩ là đây. Bị ma che lấp, tức là ngoài rừng Ta-la, bị sáu mươi ức ma hiện thân Phật nói rộng pháp môn để mê hoặc A-nan. Phật sai Văn-thù đọc chú kéo lại, do đó A-nan được trở về, rõ ràng đầy đủ như phẩm Trần-như ở Đại kinh đã nói. Từ “Đáp ...” giải thích có nói kết tập kinh tạng, xưng: “Ta nghe”: Tức lần lược nghe, xưa y vào Đại luận giống như nghe ở người khác; kể là dẫn Xá-lợi-phất hỏi kinh, nhờ định lực tự nghe nên gọi lần lược.

Nói Phật giác, chỉ là Phật gia hộ sức biết như Phật, nên gọi là Phật giác Tam-muội, chứng rồi không phải từ người khác mà nghe. Nên nói tự mình có thể dùng sức bản nguyện để duy trì Phật pháp. Từ “Lại báo...” là Phật nói lại. Kinh Báo Ân, quyển sáu nói: “Phật tìm ông làm thị giả hứa chấp thuận bốn cầu xin: Không thọ nhận y cũ; Không nhận thỉnh riêng; Không giống như các Tỳ-kheo khác, muốn gặp Phật liền gặp. Như lời Sở nói, Đại kinh cũng nói, A-nan xin bốn điều và điều thứ tư đó là ra vào không hạn lúc, nói khác với kinh Báo Ân. Cho nên nói ba điều xin giống kinh Niết-bàn.

“Lại nữa ...” là nói việc luật luận xưng “Ta nghe”. Khi Phật ở thành Ba-la-nại, đầu tiên nói cho năm người về tạng Khế kinh, sau khi Phật diệt độ thì A-nan kết tập. Khi Phật ở thành La-duyet-kỳ, đầu tiên nói cho Tu-na-đề về tạng Tỳ-ni, sau khi Phật diệt độ thì Ưu-ba-ly kết tập. Khi Phật ở ao Mi-hầu tại thành Tỳ-xá-ly đầu tiên nói cho Bạt-kỳ

Tử về tạng A-tỳ-đàm, sau khi Phật diệt độ thì năm trăm vị A-la-hán kết tập làm kinh Tương Tục Giải Thoát. Đó là Phật tự nói, nên lại gọi là kinh. Về sau rộng kết tập các pháp tướng, bèn gọi là luận. Cho nên biết luận tạng không phải riêng có khi Phật đã diệt độ. Nếu thế thì tam tạng đều do Phật nói, cho nên biết luận tạng cũng có nghĩa xưng “Ta nghe”.

“Hỏi vì sao ...” là ước pháp Đại Tiểu mà giải nghi, có nghi và từ “đáp ...” là giải thích được chỉ kết tập Tiểu thừa, cũng có kết tập cộng giáo. Gồm kết tập Bất cộng giáo trình bày tha giáo. Ngài Kinh Khê nói: Căn cứ theo đây thì phải dẫn kinh luận Đại thừa để làm chứng. Nay nói Chánh pháp niệm là căn cứ vào nhiều loại văn trong tích của Phật. Không phải bảo Tiểu thừa đã nói A-nan hay trì được cả Đại Tiểu. Đã có nhiều thứ thì không thể cùng trì một tạng Tiểu thừa. Cho nên ít nhiều gọi là ngầm ước định sâu rộng. Từ “nay gọi ...” giải giúp người khác. Dẫn văn đã đúng, nên nay Sư dùng bốn giáo mà giải thích giúp.

A-nan trì tức nhậm trì Đại thừa như đất giữ các vật. Bất cộng tức là Biệt Viên, trì giáo Trung đạo như biển bao dung tất cả. Pháp hoa Sơ lại dựa vào A-hàm mà thêm A-nan Điển Tạng trì Biệt, A-nan Hải chỉ trì Viên. Nay dựa vào Thật lý hai giáo, nên gồm làm một. Về giải thích riêng có nêu chương, “ngã cũng ...” là giải nghĩa. Có ngã: Gồm căn cứ giáo: Tức chánh nói ngã. Ở tạng thứ năm, thì Độc Tử là ngoại đạo phụ thêm Phật pháp. Ông ta tự ý thông minh, khi đọc Xá-lợi-phất Tỳ-đàm bèn tự đặt nghĩa riêng nói rằng ngã ở ngoài bốn câu “trường hợp) nên nói là thứ năm. Nói bốn câu, là ngoại đạo chấp rằng: Sắc là ngã, lìa sắc là ngã, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc. Bốn ấy kia cũng thế. Hoặc nói ba đời và pháp vô vi là bốn câu, gọi ngã là phần thứ năm, không thể nói là tạng. Các thứ đó gọi là ba bộ trên.

Đều phá người ngoài, tức Độc Tử giúp Phật lại phá các ngoại đạo khác Biệt giáo, ngài Kinh Khê nói: Các điều Biệt giáo nói thì giống các Bộ giải thích nghĩa chữ ngã, nhưng không phải là ý chánh, nên không nói riêng. Nay từ tính ưu thắng mà nói nên nói tự tại. Khéo giỏi thấy biết là xuất giả lợi tha, dùng đạo chủng trí pháp nhãn mà thấy, ứng bệnh cho thuốc nên không quá ngại. Tự ngã thức, Tiêm sư bảo luận có nói hư vọng trần phải có mà hiển hiện y chỉ, nên gọi là y tha tướng tánh và giải thích rằng: Định vô sở hữu nên nói là phi hữu, không có vật mà làm duyên duyên sáu thức nên nói là hư vọng. Trần là ngã thức sinh trụ diệt... tâm biến khác sáng suốt rõ ràng nên gọi là hiển hiện. Hiển hiện này lấy tánh khác làm nhân nên nói y chỉ. Ví như chấp ngã làm trần,



thì trần này thật ra không có, vì ngã không phải có nên do tâm biến đổi khác mà hiện ra giống ngã, nên nói phi hữu hư vọng trần hiển hiện. Vì việc này nên nói giống ngã “tợ ngã). Trung đạo Phật tánh tức nghĩa của ngã, kinh Niết-bàn nói: Ngã tức là nghĩa Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là nghĩa ngã. Trong pháp Vô ngã có chân ngã, tức là biên mà trung, nên tức thiên mà viên. Từ “trước ba thứ ...” là phán quyết giải thích có nói về quyền thật. Từ “hỏi ...” là giải nghi ngại. Ngài Kinh Khê nói: Ý câu hỏi này là: Tùy tục nói ngã, thì bốn giáo đều phải cho ngã là thế tục, sao lập tên tự tại cho đến bất nhị.

Ý đáp là ba giáo tùy tình phần nhiều theo tục. Biệt tuy tự tại song sánh với Viên thì vẫn tục. Biệt giáo Địa tiền chưa quán bất nhị. Hậu tâm tuy đã chứng từ giáo nhưng lý không được gọi là tự tại mãi mãi. Viên giáo nói ngã, ngã tức là nghe, hay nghe lại nghe đều là pháp giới. Cho nên khiến ngoài ngã thì không có nghe nào khác.

“Dụng giáo ...” là căn cứ vị; nói về nghe thì có căn cứ giáo: Tức dẫn kinh lập chung. Từ “Tạng ...” là phối giáo giải thích nghĩa có tạng: Chánh giải thích: Tiểu sinh sinh Đại sinh, luận Câu-xá nói: Đây có sinh mà sinh... Ở trong tám thì một có năng, nghĩa là bốn tướng bốn và bốn tướng tùy là tám. Tướng lớn gọi là bốn, tướng nhỏ gọi là tùy. Do tám thứ này nên khiến tất cả pháp thành tướng hữu vi. Nói sinh sinh nghĩa là Tiểu sinh sinh Đại sinh. Đẳng nghĩa là bằng nhau ba tướng kia. Tức là tiểu trụ trụ đại trụ, tiểu diệt diệt đại diệt. Ở trong tám thì một có năng, là tiểu tướng ở một cơ năng. Tướng năng tướng đại. Tướng đại ở tám có năng, nghĩa là một tướng đại khi khởi lên tất cùng với ba tướng đại và bốn tướng tiểu cùng khởi đều là pháp một bốn nên nói là tám, ba tướng đại kia cũng thế.

“Nay cũng ...” là lấy sinh biểu thị nghe. Vì tam tạng thật có nên còn Đại Tiểu. Về liệu giản:

Hỏi: Ngài Kinh Khê nói sinh sinh đến bất đoạn, là vì pháp sinh sinh là thế tục.

Đáp: Nói bỏ hành lấy giáo và nói căn cứ hành có ngại hai Thông ba Biệt. Khi thế đế chết, là nói chỉ quán để phá vô minh là thế đế chết. Nay là căn cứ phá trần sa. Mà sinh nghe giữ cho đến thường giữ, là được đạo Chứng trí học đủ bốn môn của giáo. Ngài Kinh Khê nói: Thông giáo không nghe mà nghe, Biệt giáo nghe mà không nghe, là nếu chuẩn theo văn hai cú đối giáo cùng văn tướng hiện nay thì có không đối nhau là sao? Vì nghĩa thông nhau nên có thể dùng chung. Ở văn gốc của kinh thì không thế. Đều là tùy nghĩa nên được luận chung nhau. Vì trong Đại

kinh sinh... giải thích là nghe. Câu “sinh” và nghe cũng đồng cho đến giải thích về Sinh cũng như thế. Cho nên Đại kinh nói: Sinh bất sinh bất sinh sinh sinh sinh bất sinh bất sinh”. Cho nên từ nghĩa thì “không” đối nhau tồn tại. Nói nghĩa thông, sao lại lấy Thông giáo làm không nghe mà nghe, tuy không mà sắc. Nghe mà không nghe, là sắc tức là không. Nếu giải thích riêng không nghe mà nghe, thì từ không xuất giả. Nghe mà không nghe, tức như trồng cây trên không trung, tuy trồng mà trống không, hai nghĩa đều thông chấp danh nào có ích gì.

Viên có phần chánh giải: Tướng nghe dứt mất, tức hai biên dứt mất, nên nói không nghe mà không nghe. Dẫn chứng giải thích có dẫn chứng.

Ý hỏi: Ngài Kinh Khê nói: E là không hiểu, tức thấy không nghe mà không nghe. Lại nói cùng dứt mất, nghĩa là dứt khoát không nghe và nghe trái nhau, cho nên hỏi để có lời đáp sau. Ý này muốn hiển bày hai chết và nghe dứt mất tự tại nghe sinh thế nên trong đáp nếu tương tự dứt thì hay tương tự nghe, nếu rốt ráo dứt thì hay rốt ráo nghe. Về giải thích có sự chê bày lỗi. Từ “như pháp ...” lấy phạm so với Thánh, tương tự nội phạm nghe pháp còn thế, huống là phần Thánh ư? Từ “cố đại ...” là dẫn chứng tướng nghe. Diệu lý rộng sáng vốn “không” nói bày, hay như thế mà biết, mới nói là đa văn. Cho nên nói “nếu biết” là chung biết giống chân, biết tức là quán chiếu vậy.

“Dùng bốn...” là căn cứ vị. Về giải nghi có nghi. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi Đại luận... trước hỏi đều ứng gọi việc lưu bố ở đời sao có chân ngã. Nay hỏi nên ứng hợp tất cả đều không sao được trong đây lại luận là có, tức trái với câu hỏi. “Nếu thế ...” là kết hỏi đáp. Về giải thích có nói pháp Không có tánh nhất định. Ngài Kinh Khê nói nếu nhất định có, thì không phải có bốn. Nếu nhất định không thì cũng không nên có bốn. Từ “nếu có ...” là nêu lỗi chấp không. Ngài Kinh Khê nói tất có hai lỗi: Một là, lỗi phá hoại giáo phương tiện của Phật. Phương tiện đối thật tất có bốn thứ; hai là, lỗi làm tăng thêm số người không tin, phá hoại chánh giáo. Vì không tin nên không tin Phật có các giáo phù hợp cơ, nay trở lại không chấp nhận các giáo Phật pháp chánh nghĩa phải đối với người không tin có cảnh. Trong tam tạng giáo còn có ba văn để nói đối ngã có giả thật không đồng, lại cùng phá lập, hiển bày ngã không đâu không có. Và ba giáo sau, đều nói có ngã. Thế nên phải biết, không thể Không có. Tuy nhiên cho có ngã thì nhất định không thể có một ý, muốn đều giữ còn quyền thật các thuyết, nên gạn kỹ thì Phật pháp là không có ngã nên biết việc mặc cho các vị kia lập ra tông mình. Trong giáo

Phương tiện tam tạng đã nhiều, huống là ba Quyển một thật đối nhau tên nó bất nhất sao được một mực nói là vô ngã ư? Cho nên biết hữu vô đều là Phật pháp. Ba quán tâm ba thời cảm giáo, có thời phương mà có mười phương là nơi chốn như thành Tỳ-da-ly.... Từ “một gồm ...” là giải thích có tổng giải thích: Gồm dẫn luận tổng lập, số tức là một. Thật không, là Thật trong pháp chân không, không có thời số. Cho nên ám... ba khoa không nhiếp về pháp vọng. “Tùy ...” là chân không tuy không tùy tục mà nói có. Nên Đại luận quyển hai nói hỏi trong Phật pháp các pháp số thời có thật không. Ấm giới nhập vì không chỗ nhiếp nên lấy gì mà nói một thời

Đáp: Tuy thật không có một thời, tùy thế tục mà nói một thời không lỗi. Nghĩa như vừa giải thích không làm chung các thuyết. “Nói bốn ...” là nêu tên giải nghĩa nêu tên và từ “nhược thông ...” là giải thích nghĩa: Y danh luận nghĩa được giải thích cảm giáo, một kỳ giáo, bắt đầu là phẩm Phật Quốc, cuối là phẩm Chúc Lụy gọi là một kỳ. Giới tự, ngài Kinh Khê nói: Kinh Phạm Võng xưa, ở đầu kinh có tựa, phần mùa xuân có bốn tháng, vì Phật pháp Không có mùa thu chỉ phân làm ba mùa nên phải bốn tháng.

Từ “Nếu căn cứ ...” giải thích về đắc đạo. Như khổ nhẫn một Sát-na là đã không xuất quán không nghe pháp nghĩa, nhờ được nghe trước mà nhập vào kiến đế. Đây dùng sát-na làm một thời. Từ “nay căn cứ ..” là chánh bày ý nay, thế thiện cơ phát, là Thế thiện, nhân thiên thiện vậy, tức là nhiều thời, ngài Kinh Khê nói: Vì không đồng khổ nhẫn một sát-na, vì tâm hữu lậu thời tiết dài hơn, vì thế gian tâm thiện hỗn tạp. Ba môn sau cũng lại như thế. Cho nên ba môn trước đều đủ cả bốn Tất-đàn, chỉ có môn thứ tư riêng luận về thời. Từ “lại giải ...” là nói những kinh chưa nghe được Phật nói lại cho A-nan biết.

Từ “hai căn cứ ...” là giải thích riêng, nói về ước giáo: Ngài Kinh Khê nói pháp Không có thời riêng, tất ước thật pháp để luận một thời. Pháp thời điên đảo là nhập không, hay phân biệt... là xuất giả. “Nhiếp Đại thừa...”, Tiêm sư nói luận thứ năm ấy nói do bốn thức hay biến đổi làm thành mười một thức, bốn thức tức là hạt giống của mười một thức. Nói mười một thức là:

1. Thân thức.
2. Thân giả thức.
3. Thọ giả thức.
4. Ưng thọ thức.
5. Chánh thọ thức.

6. Thế thức.

7. Số thức.

8. Xứ thức.

9. Ngôn thuyết thức. Các thức này nhân ngôn ngữ huân tập chủng tử sinh ra.

10. Tự tha sai biệt thức. Thức này nhân ngã kiến huân tập chủng tử sinh ra.

11. Thiện ác lưỡng đạo sinh tử thức.

Thức này nhân có phân biệt huân tập chủng tử sinh ra.

Giải thích rằng: Thân thức là nhân... năm giới. Thân giả thức gọi là nhiễm ô thức. Thọ giả thức gọi là ý giới. Ứng thọ thức gọi là sắc... sáu ngoại giới. Chánh thọ thức gọi là lục thức. Thế thức gọi là Sinh tử tương tục bất đoạn.

“Giải thích rằng” là nói quả báo của chúng sinh từ vô thủy đến nay ba đời sinh tử tiếp nối không dứt, nên cần phải lập thế thức. Số thức, nghĩa là từ một đến a-tăng-kỳ. “Giải thích rằng” là nói quả báo của chúng sinh, có các giới nhiều ít không đồng như bốn giới, sáu giới, mười tám giới... nên cần lập số thức để nhiếp giữ tất cả số. Xứ thức gọi là khí thế giới. “Giải thích rằng” là nói chỗ ở của chúng sinh như nhân thiên. Đường ác... có vô lượng thứ khác nhau, nên cần lập Xứ thức để nhiếp giữ tất cả chỗ. Ngôn thuyết thức, nghĩa là thấy nghe hiểu biết đều có rất nhiều thứ, nhân đó mà có vô lượng nói năng, làm việc nói năng cùng thấy nghe... cùng hỗ tương hiển bày, cho nên cần lập ngôn thuyết thức để nhiếp tất cả nói năng. Cả mười một thức này đều lấy phân biệt làm nhân, hư vọng làm quả. Ngài Kinh Khê nói: Nếu từ phân biệt số cho đến thế để luận về thức thì số và thế có rất nhiều việc, nên thuộc Biệt giáo. Hống là trong Nhiếp luận không nói. Tiểu thừa lại có nghĩa ít Viên, nên thế và số này tất thuộc Biệt giáo. Nay bảo rằng lìa chân có vọng càng thêm phân biệt. Việc nhiều tức là nghĩa Biệt giáo, cho nên nói một thời dẫn ra số và thế. Một tức là số, thời tức là thế. Một thời nhập vào tất cả thời..., tức dài ngắn chỉ do tâm, nên hay nhập vào nhau. Ngài Kinh Khê nói: Đầy đủ như Hoa Nghiêm, sát-na là ba đời, chín đời đều đầy đủ, hống lại là bảy ngày đối một kiếp ư? Hoa Nghiêm mười nhất thiết, thì Tiêm sư nói kinh xưa quyển hai mươi lăm nói: “Này Phật tử! Tất cả chư Phật có mười thứ phương tiện khéo léo”. Phương tiện thứ sáu nói: “Tất cả chư Phật hay đối với một thời đều phân biệt biết tất cả thời không buông bỏ, sinh bình đẳng chánh pháp, mà tất cả thời đều không nhiếp giữ. Không phải ngày, không phải đêm cho đến nói không

phải thời chẳng lìa thời mà đối với vô lượng thời chuyển pháp luân, chưa từng tạm nghỉ. Đó là phương tiện khéo léo của tất cả chư Phật”. Nay bảo lưu thông nêu mười ý ở phần thứ sáu để chứng một thời đã có lý sự viên dung, nên nó thuộc nghĩa viên. Từ “hai ...” là căn cứ vị; quán tâm dựa vào ba quán nhiếp một thời của bốn giáo, như văn.

